

“SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP”.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

(Giấy CNĐKKD số 0300645369 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2006 và thay đổi bổ sung lần thứ 5 ngày 16/12/2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số/QĐ-SGDHCM

do Sở giao dịch chứng khoán TPHCM cấp ngày ... tháng ... năm 2010)

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

❖ **Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam**

Trụ sở: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3825 3009 Fax : (84.8) 3826 6593

Email: info@sotrans.com.vn

Website: www.sotrans.com.vn

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

Trụ sở: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 8 3824 2897

Fax: (+84) 8 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

❖ **Phụ trách công bố thông tin**

Họ tên: Ông Hoàng Quyển – Tổng Giám đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam

Điện thoại: (84.8) 3825 3009

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM

(Giấy CNĐKKD số 0300645369 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/12/2006 và thay đổi bổ sung lần thứ 5 ngày 16/12/2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	STG
Mệnh giá:	10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	8.351.857 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết:	83.518.570.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại : (84.4) 3824 1990

Fax : (84.4) 3825 3973

Email : aasc-ndd@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh:

Địa chỉ : Số 63 Trần Khánh Dư, Phường Tân Định, Quận 1, TP HCM

Điện thoại : (84.4) 5265 7967

Fax : (84.4) 3843 5590

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 8 3824 2897

Fax: (+84) 8 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	1
1.	Rủi ro về kinh tế.....	1
2.	Rủi ro luật pháp	1
3.	Rủi ro kinh doanh.....	2
4.	Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	2
5.	Rủi ro khác.....	2
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	3
1.	Tổ chức niêm yết: Công ty CP Kho vận Miền Nam	3
2.	Tổ chức tư vấn: Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	3
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	4
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	5
1.	Tóm tắt quá trình hình thành phát triển	5
2.	Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty.....	6
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	7
4.	Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	8
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết;.....	10
6.	Hoạt động kinh doanh.....	10
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	20
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	22
9.	Chính sách đối với người lao động	24
10.	Chính sách cổ tức.....	25
11.	Tình hình tài chính	25
12.	Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	29
13.	Tài sản thuộc sở hữu Công ty.....	37
14.	Các dự án đầu tư.....	40
15.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 - 2011	41
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	42
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	42
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	42
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	43
1.	Loại chứng khoán	43
2.	Mệnh giá	43
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết.....	43
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	43
5.	Phương pháp tính giá	44
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	45
7.	Các loại thuế có liên quan.....	45
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	47
1.	Tổ chức niêm yết	47
2.	Tổ chức tư vấn	47
3.	Tổ chức kiểm toán	48
VII.	PHỤ LỤC	50

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty CP Kho vận Miền Nam	6
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập đến thời điểm hiện tại (15/12/2009).....	9
Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên đến thời điểm hiện tại (15/12/2009)	9
Bảng 4: Cơ cấu vốn điều lệ tính đến thời điểm hiện tại (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).....	9
Bảng 5: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Công ty CP Kho vận Miền Nam	10
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Công ty 2007 – 9T/2009	13
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty 2007 – 9T/2009	14
Bảng 8: Tỷ trọng chi phí sản xuất kinh doanh 2007 – 9T/2009	15
Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết.....	19
Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2007 – 9T/2009	20
Bảng 11: Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc	24
Bảng 12: Tỷ lệ cổ tức 2008 – 2010 (dự kiến)	25
Bảng 13: Trích lập các quỹ.....	26
Bảng 14: Tình hình dư nợ vay của Công ty đến thời điểm 30/09/2009	27
Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu tại thời điểm 30/09/2009 của Công ty.....	27
Bảng 16: Chi tiết các khoản phải trả tại thời điểm 30/09/2009 của Công ty.....	27
Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 2007 – 9T/2009	28
Bảng 18: Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	29
Bảng 19: Danh mục tài sản cố định chính của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008.....	37
Bảng 20: Các loại tài sản cố định vô hình của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008	38
Bảng 21: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	38
Bảng 22: Đất Công ty đang sử dụng	38
Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 - 2011	41
Bảng 24: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	43

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

- Từ năm 2007 trở về trước, nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ phát triển khá cao, cụ thể: năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 đạt 8,2% và năm 2007 là 8,5%. Năm 2008, do ảnh hưởng chung của cuộc khủng hoảng kinh tế trên toàn thế giới, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chững lại và chỉ đạt 6,23%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng kinh tế trong 9 tháng đầu năm 2009 (tăng trưởng 4,6% so với cùng kỳ năm 2008) cho thấy xu hướng phục hồi của nền kinh tế nước ta ngày càng rõ nét hơn. Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty CP Kho vận Miền Nam là các dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế, kinh doanh kho bãi và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc trực tiếp vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và hoạt động xuất nhập khẩu.
- Việt Nam đã chính thức gia nhập WTO từ năm 2007 và đang từng bước thực hiện các cam kết song phương và đa phương về mở cửa thị trường giao nhận kho vận với thế giới. Bên cạnh những cơ hội lớn mở ra từ việc hội nhập, ngành giao nhận vận tải cũng đang đứng trước những thách thức đáng kể đòi hỏi phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Hiện tại, Sotrans phải cạnh tranh mạnh mẽ hơn không chỉ với các công ty tại Việt Nam mà còn với các công ty đa quốc gia trong ngành đã có mặt tại Việt Nam
- Mức độ tiếp cận thị trường cao đối với dịch vụ vận tải dự kiến sẽ mang lại nhiều thách thức cho các doanh nghiệp vận tải Việt Nam khi đất nước hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Nếu so sánh với các doanh nghiệp nước ngoài thì doanh nghiệp Việt Nam kém cạnh tranh hơn về cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn và tập quán giao thương quốc tế. Mạng lưới đại lý - “mạch máu” của dây chuyền cung ứng dịch vụ vận tải đa phương thức của các doanh nghiệp Việt Nam còn nhỏ hẹp. Hiện tại, chỉ có dưới 50% doanh nghiệp giao nhận Việt Nam có đại lý ở nước ngoài, còn lại là nhận làm đại lý cho các hãng giao nhận đa quốc gia, bên cạnh đó, trong bối cảnh container hóa vận tải quốc tế, điều kiện về cầu cảng, kho bãi, đội tàu của Việt Nam chưa đáp ứng được đòi hỏi thực tế. Ngoài ra, kinh doanh trong ngành giao nhận vận tải quốc tế nên vấn đề hạ tầng và cơ sở vật chất tại Việt Nam tác động mạnh đến khả năng thực hiện các hợp đồng giao nhận cũng như việc đảm bảo tiến độ giao hàng cho khách hàng. Đây là một thách thức lớn đối với Sotrans khi mà tình hình chung còn nhiều khó khăn so với các nước trong khu vực

2. Rủi ro luật pháp

- Hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay chưa thật sự hoàn chỉnh, còn tồn tại nhiều quy định phức tạp chồng chéo trong lĩnh vực hành chính nhất là những quy định về thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu. Luật hải quan hiện đã ra đời nhưng cũng cần thời gian để hoàn thiện mọi vấn đề trong thực tế. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải của Công ty.
- Trước đây Nhà nước thực hiện bảo hộ hoàn toàn lĩnh vực vận tải nội địa bằng tàu biển và dịch vụ đại lý hàng hải, chẳng hạn: không cho phép thành lập doanh nghiệp liên doanh hay chuyển các cơ quan đại diện hàng hải nước ngoài tại Việt Nam thành các chi nhánh công ty; Bắt buộc các chủ tàu nước ngoài phải chỉ định một công ty đại lý tàu biển Việt Nam làm tổng đại lý cho tàu của mình ra vào cảng Việt Nam v.v... Tuy nhiên khi thực hiện tự do hóa thương mại, dịch vụ thì các doanh nghiệp trong

ngành không còn sự độc quyền mà chỉ được bảo hộ hợp lý và sẽ có sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài cùng ngành nghề vào thị trường Việt Nam. Theo cam kết gia nhập WTO, các nhà đầu tư nước ngoài có thể tham gia kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải Việt Nam theo những hình thức bắt buộc là liên doanh. Đối với liên doanh, phần vốn của nước ngoài được phép đầu tư tối đa là 49%. Hiệu lực của các điều kiện này hiện chỉ là giai đoạn tạm thời và chỉ kéo dài đến năm 2012 – 2014 là phải dỡ bỏ¹. Điều này sẽ làm tăng sự cạnh tranh và có thể ảnh hưởng đến thị phần hiện tại của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam.

3. Rủi ro kinh doanh

- Hoạt động logistics chuyên nghiệp đòi hỏi phải tích hợp được hàng loạt các dịch vụ vận tải giao nhận thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu thành một chuỗi liên tục để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển trọn gói từ nhà sản xuất - vận tải - người tiêu dùng. Hiện nay hoạt động này tại Việt Nam chưa có sự liên minh, liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành. Nguồn nhân lực cung cấp cho các doanh nghiệp trong ngành đang trở nên thiếu hụt trầm trọng. Mặt khác cơ sở hạ tầng cho dịch vụ logistics chưa hoàn chỉnh cũng là một trở ngại cho hoạt động kinh doanh của các công ty trong lĩnh vực này. Sotrans sẽ phải phát triển trên diện rộng các hoạt động trong chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nguyên liệu cho sản xuất đến vận chuyển, lưu kho, tu chỉnh bao gói và phân phối đến các điểm bán lẻ cho người tiêu dùng để tăng khả năng kiểm soát cũng như phối hợp giữa các yếu tố đầu vào cùng kinh nghiệm và hoạt động thực tại của công ty.
- Do đặc thù ngành nghề kinh doanh mà cước phí các loại dịch vụ Công ty hiện đang cung cấp được các khách hàng thanh toán chủ yếu bằng ngoại tệ. Vì vậy, Công ty thường xuyên phải đối mặt với rủi ro biến động tỷ giá, điều này có thể gây những ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, tỷ giá thường có xu hướng tăng, điều này có tác động hỗ trợ tích cực tăng lợi thế cũng như hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

- Việc Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn khi cần thiết. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty cổ phần Kho Vận Miền Nam đã chủ động xây dựng và ban hành quyết định về quy trình công bố thông tin đối với một đơn vị niêm yết nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

5. Rủi ro khác

- Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty, đặc biệt đối với hoạt động giao nhận vận tải quốc tế. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu; thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng.

¹ Nghị định của Chính phủ số 140/2007/NĐ-CP ngày 05/09/2007.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết: Công ty CP Kho vận Miền Nam

Ông Hoàng Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc

Ông Phan Đình Bội Trưởng Ban kiểm soát

Ông Trương Văn Thuận Kế Toán Trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn

Ông Nguyễn Hồng Nam Giám đốc điều hành

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (SOTRANS). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- ĐHĐCĐ: Đại Hội đồng Cổ đông;
- HĐQT: Hội đồng Quản trị;
- SGDCK: Sở Giao dịch Chứng khoán;
- TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND: Ủy ban Nhân dân;
- BGĐ: Ban Giám đốc;
- BKS: Ban Kiểm soát;
- Công ty: Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam;
- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam;
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam;
- Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – SSI;
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên;
- DNNN: Doanh nghiệp Nhà nước
- BCTC: Báo cáo tài chính
- BCKT: Báo cáo kiểm toán

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên doanh nghiệp : Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
- Tên Tiếng Anh : South Logistics Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Sotrans
- Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.8) 3825 3009 Fax : (84.8) 3826 6593
- Website : www.sotrans.com.vn
- E-mail : info@sotrans.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, cho thuê văn phòng làm việc;
 - Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa;
 - Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức.
 - Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ thủ tục hải quan;
 - Kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (Cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center).
 - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dầu nhờn; kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu, dầu nhớt các loại.
 - Kinh doanh vật tư thiết bị vận tải, kho, bốc xếp và giao nhận.

1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1975	SOTRANS được thành lập.
1990	Thành lập XN Hóa Dầu SOLUBE. Thành lập XN Dịch Vụ Kho Vận Giao Nhận.
1992	Thành lập XN Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Quốc Tế.
1993	Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Đồng Nai.
1995	SOTRANS là thành viên Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI).
1996	SOTRANS là thành viên Hiệp hội Giao Nhận Kho Vận Việt Nam (VIFFAS).
1997	Hợp tác với GEMADEPT xây dựng cảng ICD Phước Long 2. SOTRANS là thành viên Hiệp hội Vận tải giao Nhận Quốc tế (FIATA).
1999	Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Hà Nội.
2000	Thành lập Chi nhánh Công ty Kho Vận Miền Nam tại Cần Thơ.
2001	Đạt chứng nhận ISO 9001: 2000 trong lĩnh vực dịch vụ logistics do tổ chức DNV cấp. Thành lập nhà máy sản xuất dầu nhớt SOLUBE.
2002	Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Kho Vận Miền Nam tại Bình Dương.
2003	SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động Hạng ba.
2005	SOTRANS nhận Huân Chương Lao Động Hạng nhì.

- 2007** SOTRANS là thành viên Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế (IATA).
SOTRANS được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần với tên mới là CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM.
- 2009** SOTRANS đoạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt 2009.

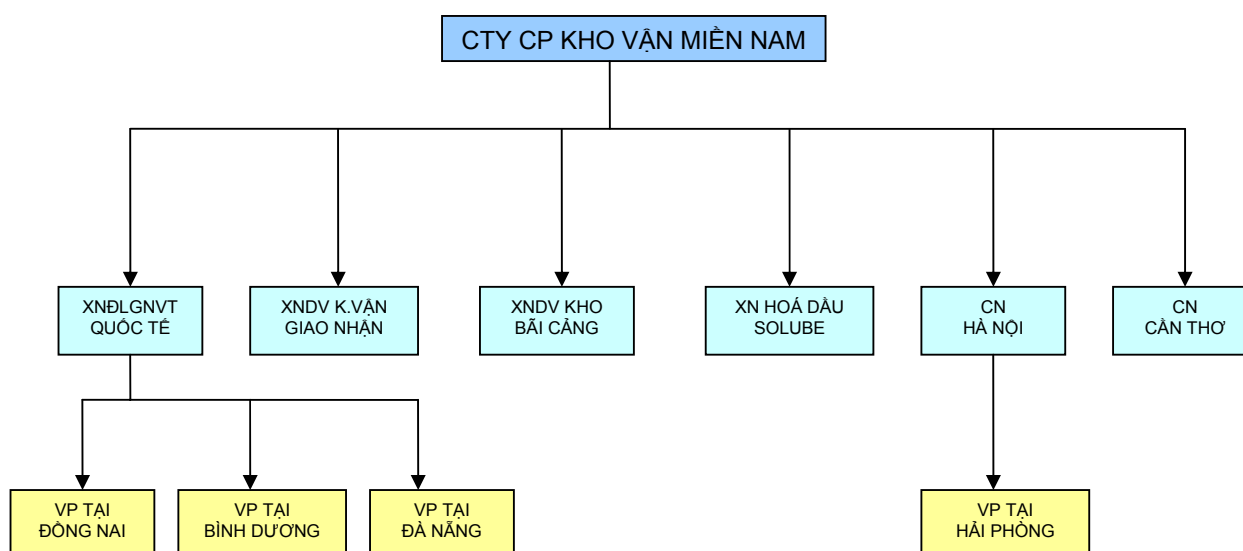
Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty CP Kho vận Miền Nam

Thời gian	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức	Ghi chú
Khi thành lập (1/1/2007)	51.000.000.000	-	Cổ phần hóa DNNN sang công ty cổ phần.	
Đợt 1 (30/05/2009)	72.000.000.000	21.000.000.000	Thưởng cổ phiếu từ Quỹ Đầu tư phát triển tỉ lệ 8:3 và thưởng cho CB.CNV	NQ ĐHCĐ thường niên năm 2009 ngày 19/3/2009
Đợt 2 (20/11/2009)	83.518.570.000	11.518.570.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỉ lệ 16%/mệnh giá	NQ ĐHCĐ bất thường năm 2009 ngày 21/10/2009

Nguồn: SOTRANS

2. Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



- ❖ **Văn phòng trụ sở chính Công ty:**
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam
1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, Tp. HCM

❖ **Các đơn vị trực thuộc:**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp Đại lý giao nhận Vận tải Quốc tế	Số 1B Hoàng Diệu, Q4, Tp. HCM.
2.	Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận Giao nhận	Số 1B Hoàng Diệu, Q4, Tp. HCM.
3.	Xí nghiệp dịch vụ Kho bãi Cảng	Km 9 Xa Lộ Hà Nội Q.TĐ, Tp. HCM.
4.	Xí nghiệp Hóa dầu Solube	18 Hoàng Diệu, P.12, Q.4, TP.HCM

❖ **Các chi nhánh trực thuộc:**

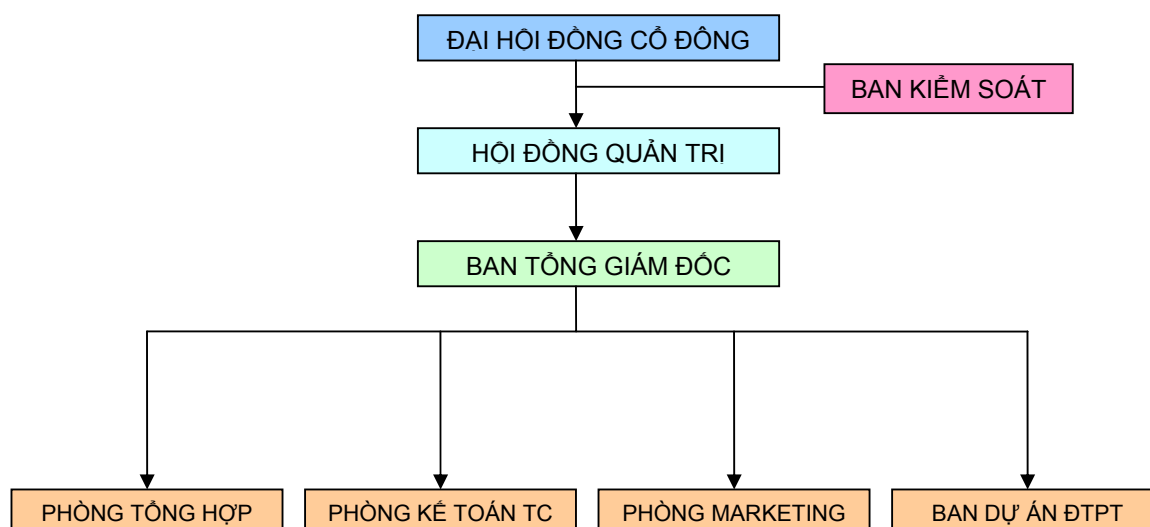
STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh SOTRANS tại Hà Nội	Số 30 Đoàn Thị Điểm, Hà Nội.
2.	Chi nhánh SOTRANS tại Cần Thơ	Số 08 Đường 3/2, Ninh Kiều, Cần Thơ.

❖ **Các văn phòng trực thuộc:**

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Văn phòng Bình Dương	196 Bình Dương, Thị Xã Thủ Dầu 1, Bình Dương.
2.	Văn phòng Đồng Nai	1/3A KCN Biên Hòa 2, Đồng Nai.
3.	Văn phòng Đà Nẵng	245 Trưng Nữ Vương, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
4.	Văn phòng Hải Phòng	11 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Do ĐHĐCĐ bầu, là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định.

Ban Kiểm Soát:

Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty

Ban Tổng Giám Đốc:

Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.

Phòng Tổng Hợp:

Phòng Tổng hợp công ty là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: kế hoạch, nghiên cứu ứng dụng và chiến lược phát triển kinh doanh, quản trị nhân sự – tiền lương, đầu tư, xây dựng cơ bản, pháp chế, thanh tra, bảo vệ, quản trị hành chính, thi đua khen thưởng.

Phòng Kế Toán Tài Chính:

Phòng Kế Toán Tài Chính công ty là phòng quản lý nghiệp vụ có chức năng thực hiện công tác kế toán tài chính, tham mưu giúp Tổng Giám Đốc quản lý về vốn và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty: trực tiếp theo dõi và quản lý tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn, công nợ, doanh thu, chi phí, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, đề xuất phân phối lợi nhuận, trả cổ tức. Thực hiện các báo cáo quyết toán tháng, quý, năm theo qui định của pháp luật đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo về chuyên môn các phòng kế toán đơn vị trực thuộc.

Phòng Marketing:

Phòng Marketing là phòng quản lý nghiệp vụ, có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong việc định hướng thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược Marketing và chiến lược kinh doanh trong toàn Công ty.

Ban Dự án đầu tư phát triển:

Ban Dự án Đầu tư phát triển có chức năng quản trị, tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong việc hoạch định và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư phát triển nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập đến thời điểm hiện tại (22/01/2010)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	Số 6 Phan Huy Chú, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.985.942	47,73%
2.	Đoàn Thị Đông	47-57 Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP.HCM	7.194	0,09%
3.	Trần Quyết Thắng (*)	145 Hai Bà Trưng, P.6, Q.3, TPHCM	3.366	0,04%
4.	Võ Phúc Nguyên	1/36/2 Đường Trục, P. 13, Q. Bình Thạnh, TPHCM	434.428	5,20%
Tổng cộng			4.430.930	53,06%

Nguồn: SOTRANS

- Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/12/2006, do vậy, đến ngày 29/12/2009, cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng..
- Ngày 31/12/2009 Ông Trần Quyết Thắng có chuyển nhượng 60.024 cổ phiếu cho Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên đến thời điểm hiện tại (22/01/2010)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ Giấy ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Tổng công ty Đầu tư và KD vốn Nhà nước	Số 6 Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0106000737	3.985.942	47,73
2.	Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	67 Hàm Nghi, Q.1, TP.HCM	68/UBCK-GP	831.386	9,95
3.	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM	059002	918.720	11,00
4.	Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Thương Tín	201A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q3, TP.HCM	4103006689	772.619	9,25
5.	Võ Phúc Nguyên	1/36/2 Đường Trục, P. 13, Q. Bình Thạnh, TPHCM	240728205	434.428	5,20
Tổng cộng				6.943.095	83,13%

Nguồn: SOTRANS

4.3 Cơ cấu vốn điều lệ tính đến thời điểm hiện tại (22/01/2010)

Bảng 4: Cơ cấu vốn điều lệ tính đến thời điểm hiện tại (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

TT	Danh mục	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1.	Cổ đông nhà nước	39.859.420	47,73%	01	01	-
2.	Cổ đông bên trong					

- Hội đồng Quản trị	25.530.790	30,57%	06	03	03
- Ban Giám đốc	45.610	0,05%	01	-	01
- Ban Kiểm soát	142.820	0,17%	03	-	03
- Kế toán trưởng	8.120	0,01%	01	-	01
- CBCNV	7.619.210	9,12%	215	-	215
- Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
3. Cổ đông bên ngoài					
- Trong nước	10.312.600	12,35%	89	-	89
- Nước ngoài	-	-	-	-	-
Tổng cộng	83.518.570	100,00%	316	04	312

Nguồn: SOTRANS

Ghi chú: - Ban Tổng giám đốc công ty gồm 4 thành viên, trong đó có 3 thành viên là thành viên HĐQT.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết;

5.1. Danh sách các công ty con của Kho vận Miền Nam tính đến thời điểm hiện tại:

Không có.

5.2. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Kho vận Miền Nam tính đến thời điểm hiện tại:

Bảng 5: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Công ty CP Kho vận Miền Nam

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ hiện tại (VNĐ)	Lĩnh vực kinh doanh	Địa chỉ
1.	Công ty cổ phần SDB Việt Nam	4.800.000.000. Trong đó, Sotrans góp 1.680.000.000 đồng (tương đương 35% VDL)	Kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng. Xếp dỡ giao nhận hàng hoá. Dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức. Đại lý tàu biển. Dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan.	17 Lê Văn Linh, Phường 6, Quận 4, TP. HCM

Nguồn: SOTRANS

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động kinh doanh chính

Hiện nay, Công ty có một số hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế
- Dịch vụ kho đa chức năng
- Sản xuất, kinh doanh xăng, dầu, nhớt
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu

▪ **Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế:**

- SOTRANS có hệ thống đại lý quốc tế tại nhiều nước trên thế giới. Hiện nay hệ thống đại lý của SOTRANS có mặt trên 70 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Asia + Australia: Australia, Banglades, Brunei, Cambodia, China, India, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, Myanmar, New Zealand, Pakistan, Singapore, Srilanka, Philippin, Thailand, Taiwan, Russia.

Euro & Mediterranean: Belgium, Szech Republic, Denmark, Egypt, finland, France, Germany, Greece, Hungary, Israel, Italy, Libia, Maldives, Malta, Netherland, Poland, Rumani, Slovakia, Spain, Turkey, Ukraina, United Kingdom.

America, Afica & Middle East: Algeria, Angola, Arab Saudi, Argentina, Bahrain, Benin, Brasil, Canada, Cameroon, Chile, Columbia, Costarica, Ecuador, Elsanvador, Ghana, Israel. Jordan, Kenya, Kuwait, Lebanon, Liberia, Madagasca, Marocco, Mexico, Mozambique, Nicaragua, Nigeria, Oman, Panama, Peru, Qatar, Senegal, South Afica, Sudan, Syria, Tanzania, Togo, Trinidad & Tobago, UAE, Uruguay, USA, Venezuela, Yemen.

- Kết hợp một cách hợp lý giữa nhiều phương thức vận tải với nhau giúp khách hàng tiết kiệm được rất nhiều chi phí mà vẫn bảo đảm được thời gian giao hàng đúng hạn.
- Sotrans có tất cả các dịch vụ để có thể cung cấp đến khách hàng trọn gói về chuỗi cung ứng dịch vụ logistics.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và có kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực đại lý giao nhận vận tải quốc tế.
- SOTRANS là đại lý hải quan mẫu đầu tiên của Việt Nam, SOTRANS có thể đại diện khách hàng ký và đóng dấu vào tờ khai hải quan, giúp khách hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí đồng thời khẳng định trách nhiệm của SOTRANS trước khách hàng.



▪ **Dịch vụ kho đa chức năng:**

- Với hệ thống kho có diện tích lớn tại các khu vực quận 4, 7, 9, Bình Chánh, Thủ Đức thuộc Tp.HCM:
 - o Quận 4: Kho Bến Súc 5.000 m²
 - o Quận 7: Kho Viconship 4.400 m²
 - o Quận 9: Kho Phước Long 15.000 m²
 - o Thủ Đức: Kho, bãi cảng Thủ Đức 10.000 m²
 - o Kho, bãi Cảng ICD Phước Long 75.000 m²
 - o Kho ngoại quan 1.000 m²
 - o Cảng kho vận tại Thủ Đức cầu cảng dài trên 400m
- Hệ thống kho bãi nằm gần trung tâm TP. HCM, các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng: đại lộ Đồng Tây nối liền tới khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đại lộ xuyên Á nối liền với các quốc gia Đông Nam Á.
- Nằm tiếp giáp với một nhánh sông Sài Gòn, rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu bằng đường sông.
- Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp thương mại TP.HCM – Bình Dương – Đồng Nai. SOTRANS đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất và xây dựng SOTRANS trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.



▪ **Sản xuất, kinh doanh xăng, dầu, nhớt:**

- Công ty là đại lý phân phối xăng và dầu DO cho Saigon Petro và Công ty CP Thương Mại & Dịch vụ Cần Giờ và là nhà sản xuất và kinh doanh dầu nhớt mang nhãn hiệu SOLUBE. Ngành sản xuất kinh doanh xăng, dầu, nhớt của Sotrans có lợi thế về chất lượng ổn định, uy tín về thương hiệu và hệ thống đại lý ổn định, đặc biệt là phân khúc dầu nhớt động cơ tàu thuyền tại các thị trường miền Tây và ven biển miền Trung.
- Ngoài các đối thủ nước ngoài liên doanh như BP, Castrol, Exxon Mobil v.v. dẫn đầu thị trường, các đối thủ trong nước như Petrolimex, Vilube, ... , sản phẩm dầu nhớt Solube của Sotrans với nhiều chủng loại đa dạng như dầu động cơ xe gắn máy, dầu bôi trơn động cơ,

dầu bôi trơn công nghiệp, dầu chuyên dụng cũng đã có vị thế trên thị trường Việt Nam và đã xuất khẩu thường xuyên, ổn định đến thị trường Campuchia.

- Một số đại lý tiêu biểu của dầu nhớt Solube như: DNTN Xăng dầu Hoà Mỹ, Công ty Thương Mại Dịch vụ Quảng Ngãi, Công ty Xăng dầu Đồng Tháp, Công ty Thương Nghiệp Cà Mau, Công ty Bạc Liêu...



- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu: Sotrans cung cấp chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nhận hàng, tổ chức đóng gói, lưu kho, thuê phương tiện vận tải, thủ tục hải quan, v.v., và giao hàng đến điểm cuối (thường là kho, nhà máy hoặc công trường) theo chỉ định của chủ hàng, được khách hàng lựa chọn.

6.2. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận từng sản phẩm/dịch vụ

6.2.1 Cơ cấu doanh thu toàn công ty theo từng lĩnh vực kinh doanh

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Công ty 2007 – 9T/2009

Đơn vị tính: triệu VNĐ

STT	Lĩnh vực kinh doanh	2007		2008		9 tháng/ 2009	
		Giá trị	Tỉ lệ (%)	Giá trị	Tỉ lệ (%)	Giá trị	Tỉ lệ (%)
I.	Kho bãi, bốc xếp	47.232	8,09	67.915	10,76	53.334	15,96
1.	Bãi ICD	19.711	3,38	21.477	3,4	14.203	4,25
2.	Kho Công ty	11.992	2,05	15.391	2,44	12.818	3,84
3.	Kho thuê ngoài	6.845	1,17	14.571	2,31	14.971	4,48
4.	Kho Hợp tác	8.684	1,49	16.477	2,61	11.343	3,39
II.	Giao nhận vận tải quốc tế	191.145	32,73	242.882	38,47	105.634	31,61
1.	Đường hàng không	45.813	7,84	117.456	18,6	34.699	10,38
2.	Đường biển	145.332	24,89	125.426	19,87	70.935	21,23
III.	Giao nhận hàng hóa XNK	104.561	17,9	112.732	17,86	60.112	18
IV.	SX. KD xăng dầu - nhớt	238.892	40,91	204.903	32,45	113.761	34,04
1.	KD xăng dầu	79.442	13,6	108.298	17,15	55.536	16,62
2.	SXKD nhớt	159.450	27,3	96.605	15,3	58.225	17,42
V.	Khác	2.170	0,37	2.895	0,46	1.310	0,39

Tổng **584.000** 100 **631.327** 100 **334.151** 100

Nguồn: BCKT 2007, 2008 và BCTC 9T/2009 của SOTRANS

6.2.2 Cơ cấu lợi nhuận gộp toàn công ty theo từng loại hình kinh doanh

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty 2007 – 9T/2009

ĐVT: triệu đồng

STT	Lĩnh vực kinh doanh	2007		2008		9 tháng/ 2009	
		Giá trị	Tỉ lệ (%)	Giá trị	Tỉ lệ (%)	Giá trị	Tỉ lệ (%)
I.	Kho bãi, bốc xếp	33.196	50,1	43.713	41,3	38.741	50,28
1	Bãi ICD	16.732	25,25	18.377	17,36	13.726	17,81
2	Kho Công ty	9.914	14,96	12.723	12,02	12.035	15,62
3	Kho thuê ngoài	2.389	3,6	5.927	5,6	5.666	7,36
4	Kho Hợp tác	4.161	6,28	6.687	6,32	7.315	9,49
II.	Giao nhận vận tải quốc tế	17.763	26,81	29.119	27,51	22.349	29
1	Đường hàng không	3.317	5,01	13.908	13,14	8.441	10,95
2	Đường biển	14.446	21,8	15.211	14,37	13.908	18,05
III.	Giao nhận hàng hóa XNK	10.817	16,32	17.178	16,23	8.849	11,48
IV.	SX. KD xăng dầu - nhớt	4.487	6,77	15.831	14,96	7.111	9,23
1	KD xăng dầu	916	1,38	4.179	3,95	3.410	4,43
2	SXKD nhớt	3.570	5,39	11.652	11	3.701	4,80
	Tổng	66.263	100	105.841	100	77.050	100

Nguồn: SOTRANS

6.3 Nguyên vật liệu

- Lĩnh vực giao nhận vận tải: Công ty hầu hết thuê các đơn vị bên ngoài thực hiện nên không phát sinh chi phí nguyên vật liệu.
- Lĩnh vực xăng dầu: Công ty làm đại lý mua xăng dầu với Sài Gòn Petro và Công ty CP Thương Mại & Dịch vụ Cần Giờ nên các nguồn cung cấp này khá ổn định.
- Lĩnh vực dầu nhớt Solube: Là đơn vị sản xuất kinh doanh các sản phẩm hóa dầu, nguồn nguyên liệu chính của Công ty hầu hết đều phải nhập khẩu từ Đài Loan, Trung Quốc, Indonesia và một số vùng Trung Đông, còn các loại hóa chất và phụ gia thì nhập khẩu từ Đức, Mỹ, Đài Loan Trung Quốc... Do ảnh hưởng biến động của giá dầu thế giới nên nguồn nguyên vật liệu này thường không ổn định về giá nên cũng gây ảnh hưởng nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.4 Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh trong hai năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2009 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 8: Tỷ trọng chi phí sản xuất kinh doanh 2007 – 9T/2009

Đvt: triệu đồng

STT	Yếu tố chi phí	2007		2008		9T/2009	
		Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
1.	Giá vốn hàng bán	517.543	88,28	525.416	83,22	261.792	78,35
2.	Chi phí tài chính	2.720	0,47	13.623	2,16	776	0,23
	Trong đó: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	185	0,03	8.019	1,27	-	-
3.	Chi phí bán hàng	35.384	6.06	64.453	10,21%	44.672	13,37
4.	Chi phí QLDN	9.000	1.54	9.294	1,47%	7.914	2,37
Tổng chi phí		564.647		612.786		315.153	

Nguồn: BCKT năm 2007, 2008 và BCTC 9T/2009 của SOTRANS

6.5 Trình độ công nghệ

a. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất và kinh doanh:

- Sotrans có hạ tầng công nghệ thông tin tương đối hoàn chỉnh với 1 server, khoảng 200 máy trạm, hệ thống mạng LAN, hệ thống website, email, cũng như các thiết bị công nghệ thông tin khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Sử dụng các phần mềm trong quản lý hoạt động kinh doanh như: phần mềm kế toán KTSYS; phần mềm khai báo thuế, phần mềm khai Hải quan - eCus; quản lý nhân sự; quản trị kho bãi WMS; phần mềm e-Booking, quản trị vận tải WMS, nghiệp vụ đại lý vận tải quốc tế; quản trị quan hệ khách hàng CRM, phần mềm theo dõi đơn hàng tracking & tracing.
- Hệ thống website được cập nhật liên tục. Hiện nay SOTRANS đang tiến hành nâng cấp toàn diện website nhằm nâng cao khả năng tương tác với người dùng, mở rộng các ứng dụng trên website giúp khách hàng có thể cập nhật thông tin đơn hàng qua hệ thống tracking & tracing, cập nhật lịch đến/ đi của các hãng tàu, hãng hàng không giúp khách hàng chủ động hơn trong việc hoạch định thời gian xuất/ nhập hàng hóa. SOTRANS có hai tên miền với 2 website được cập nhật liên tục: www.sotrans.com.vn; www.sotranslogistics.com và đang triển khai hệ thống thông tin sản phẩm Solube riêng biệt trên hệ thống website Solube.com.vn.
- Hệ thống email và webmail với hơn 300 tài khoản được sử dụng trong toàn công ty, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh được kết nối mọi lúc, mọi nơi.

b. Năng lực sáng tạo, cải tiến công nghệ, mức độ đầu tư cho công nghệ:

- Trong lĩnh vực công nghệ thông tin: Hoàn thiện nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin như máy chủ server, máy trạm, hệ thống mạng; ứng dụng các phần mềm vào công tác quản lý, sản xuất, kinh doanh.
- Đầu tư vào nguồn nhân lực: SOTRANS luôn thấu hiểu rằng tài sản con người luôn là tài sản quý giá của mỗi doanh nghiệp. SOTRANS luôn đổi mới nguồn nhân lực của chính mình thông qua các hoạt động đào tạo để nâng cao hơn nữa trình độ, khả năng phục vụ và mang đến lợi ích cho khách hàng.

c. Mục tiêu phát triển công nghệ đến 2011:

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống kiểm tra thông tin đơn hàng (tracking & tracing) dành cho khách hàng, giúp khách hàng theo dõi thông tin đơn hàng.
- Hoàn thiện mạng diện rộng WAN, kết nối nhanh tất cả các thành viên SOTRANS.
- Tối ưu hóa hoạt động doanh nghiệp thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin.
- Tối ưu hóa thời gian và chi phí của khách hàng, khách hàng có thể theo dõi, đặt hàng, kiểm tra thông tin đơn hàng từ mọi nơi trên thế giới.
- Kết nối thông tin các đại lý trên toàn cầu.
- Đầu tư hệ thống bốc xếp container, máy cầu và xe vận tải để làm hàng tại ICD Sotrans Thủ Đức.
- Đầu tư một số máy phân tích lý hoá trong phòng hóa nghiệm sản xuất dầu nhớt Solube.

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**Năm 2006:**

- Nghiên cứu và thực hiện kho chất lượng cao tại khu vực đất Thủ Đức.
- Dự án thành lập Trung tâm du lịch – dịch vụ thương mại.
- Sản phẩm mới:
 - Hàng xuất DDP đi Trung Quốc, từ Trung Quốc đi Pháp.
 - Sản phẩm dịch vụ kết hợp Sotrans – ngân hàng – bảo hiểm.
 - Sản phẩm dầu nhớt Solube Therm và Solube TL10.

Năm 2007:

- Nghiên cứu và thực hiện dự án kho hợp tác với công ty Sowatco tại quận 9 và kho chất lượng cao tại Thủ Đức.

Năm 2008:

- Thuê đơn vị tư vấn nước ngoài báo cáo dự án Trung tâm phân phối tại khu vực Thủ Đức.
- Nghiên cứu mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh tại khu vực xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, với diện tích khoảng 40 ha.
- Sản phẩm mới:
 - Dịch vụ phát chuyển nhanh Express.
 - Sản phẩm dầu nhớt cho xe tay ga Win Scooter.

Năm 2009:

- Thuê đơn vị tư vấn báo cáo thẩm định dự án Trung tâm phân phối tại khu vực Thủ Đức.
- Nghiên cứu phát triển dự án ICD Sotrans tại khu vực Thủ Đức.
- Thành lập Ban Dự án đầu tư phát triển tập trung triển khai các dự án trọng điểm của Công ty.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ**a. Hệ thống, qui trình quản lý chất lượng chung đang áp dụng:**

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 do DNV chứng nhận (Đơn vị chuyên nghiệp trong lĩnh vực Giao nhận vận tải quốc tế).

b. Hệ thống, qui trình quản lý chất lượng chuyên ngành đang áp dụng:

Trong lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, SOTRANS là hội viên của các tổ chức quốc tế như Hiệp hội giao nhận vận tải quốc tế (FIATA), Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA), Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam (VIFASS). Các hoạt động của SOTRANS luôn tuân theo tiêu chuẩn chất lượng của FIATA, IATA.

c. Mục tiêu hướng tới trong giai đoạn tiếp theo:

- Tiếp tục áp dụng và hoàn thiện hệ thống ISO 9001:2000.
- Áp dụng hệ thống ISO 1400:2000.
- Ứng dụng mô hình Tracking & Tracing để kiểm soát tiến độ làm hàng và cung cấp thông tin kịp thời cho khách hàng.
- Tiếp tục tiên phong trong lĩnh vực khai quan điện tử tại Việt Nam.

6.8 Hoạt động Marketing

Phòng Marketing của SOTRANS có chức năng quản trị, tham mưu, giúp cho Ban Tổng Giám Đốc trong việc định hướng về thị trường mục tiêu, phân khúc thị trường và định vị sản phẩm, hoạch định chiến lược marketing phục vụ chiến lược kinh doanh cho toàn công ty.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu môi trường kinh doanh, phân tích cơ hội kinh doanh và đối thủ cạnh tranh.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Xây dựng và phát triển các hoạt động quan hệ công chúng (PR)
- Định hướng chiến lược Sales – Marketing trong từng giai đoạn phù hợp với diễn biến thị trường.
- Tổ chức các hoạt động marketing, hội nghị, hội thảo, chương trình đào tạo, đề xuất và tham gia các hội chợ trong và ngoài nước.
- Xây dựng các chương trình khuyến mãi.
- Nghiên cứu nhu cầu khách hàng, xây dựng sản phẩm dịch vụ mới có yếu tố riêng biệt nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường và đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao hơn.
- Xây dựng phát triển hệ thống thông tin và website Công ty.

Chiến lược Marketing và truyền thông thương hiệu:

- Sản phẩm: Chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm dịch vụ do SOTRANS cung ứng. Phát triển thêm nhiều sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.
- Giá cả: Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, bên cạnh đó SOTRANS luôn tối ưu hóa chi phí, đảm bảo cung cấp cho khách hàng dịch vụ với mức giá hợp lý, cạnh tranh.
- Phân phối: Hệ thống phân phối ngày càng được mở rộng, thông qua việc thành lập các chi nhánh trên toàn quốc. Đặc biệt trong lĩnh vực dịch vụ, chúng tôi luôn ở bên cạnh khách hàng, làm cho khách hàng luôn cảm thấy hài lòng, thuận tiện và dễ dàng. Một số phương pháp mà chúng tôi áp dụng để đưa dịch vụ của SOTRANS đến gần khách hàng hơn, nâng cao hiệu quả kênh phân phối là hình thức văn phòng trong văn phòng, nhân viên của chúng tôi cũng là nhân viên của khách hàng...
- Khuyến thị: Thường xuyên có chương trình hỗ trợ khách hàng trong các hoạt động dịch vụ như ưu đãi giá cước.

Thường xuyên thăm hỏi và tặng quà khách hàng trong các dịp đặc biệt.

Thực hiện quảng bá thương hiệu SOTRANS trên các báo, tạp chí chuyên ngành như Diễn Đàn Doanh Nghiệp, Vietnam Logistics Review, Vietnam Shipper, Thời báo Kinh tế Sài Gòn.

Tham gia hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo chuyên ngành và một số ngành có liên quan.

Tham gia và đoạt các giải thưởng uy tín như Thương hiệu mạnh Việt Nam, Sao Vàng Đất Việt...

Quảng cáo trực tuyến trên các website: Thuonghieuviet, VCCI, Hiệp hội da giày, điều, dệt may.

Quảng cáo từ khóa trên Google AdSense.

Thực hiện các ấn phẩm quảng cáo để tặng khách hàng như túi đựng passport, túi đựng name card, lịch, sổ tay, viết... nâng cao mức độ nhận diện và thiện cảm của khách hàng đối với thương hiệu SOTRANS.

Các hoạt động marketing nội bộ: thực hiện ấn phẩm bản tin nội bộ SOTRANS Info, cung cấp những thông tin chuyên ngành hữu ích cho cán bộ công nhân viên và cho khách hàng; “Bảng vàng SOTRANS” hàng quý nhằm biểu dương các cán bộ công nhân viên có thành tích xuất sắc.

- Con người: SOTRANS tự hào với đội ngũ Cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, chúng tôi không ngừng nâng cao trình độ cán bộ công nhân viên hơn nữa thông qua các chương trình đào tạo.

- Quy trình Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Đặc biệt đang chuẩn hóa dịch vụ đến từng khách hàng cụ thể.

- Triết lý kinh doanh:

Triết lý kinh doanh 4C của Sotrans được xây dựng trên 4 nền tảng chính: hợp tác, sáng tạo, tương tác và thân thiện. Chúng tôi tự hào có thể mang đến những giá trị gia tăng trong chuỗi hoạt động logistics và qua đó tạo cơ hội phát triển mạnh mẽ cùng khách hàng.

- o Cooperation: Hợp tác chặt chẽ và cùng chia sẻ lợi nhuận với khách hàng và đối tác.
- o Creative: Sáng tạo với sự khác biệt trong dịch vụ nhằm cung cấp những giải pháp đặc thù cho hoạt động kinh doanh của từng khách hàng.
- o Communication: Luôn tiếp cận thông tin từ khách hàng để nắm bắt chính xác nhu cầu.
- o Closely: Môi trường làm việc thân thiện tạo cơ hội phát triển cùng khách hàng.

6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Nhãn hiệu đăng ký: SOTRANS
- Nhãn hiệu Công ty đã được đăng ký độc quyền số 35886 theo Quyết định gia hạn số: 4911/QĐ-SHTT ngày 02/03/2009 (có hiệu lực đến ngày 23/9/2019) do Cục Sở hữu Trí tuệ cấp.
- Logo Công ty:



- Mô tả logo:

Logo của công ty mang ý nghĩa:

- Chữ S màu đỏ tượng trưng cho nước Việt Nam.
- Quả địa cầu tượng trưng cho các dịch vụ quốc tế của Công ty.
- Chữ TRANS viết tắt của từ Transportation: vận tải.
- 3 cánh én tượng trưng cho các hoạt động hàng không.
- Hình chiếc tàu và sóng biển tượng trưng cho hoạt động hàng hải – giao nhận.
- Khung hình quả trám thể hiện sự gắn kết của tổ chức tạo nên uy tín cho Công ty.
- Logo giống như chiếc chìa khoá, với ý nghĩa “mở cửa thành công”.
- Chữ Sotrans mạnh mẽ ngay bên dưới nhằm nhấn mạnh hình ảnh thương hiệu.

Tổng hợp ý nghĩa: SOTRANS là công ty chuyên ngành vận tải giao nhận hàng hoá đường hàng không, đường biển trong nước và quốc tế, là chìa khoá dẫn tới thành công.

6.10 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: *Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết*

TT	Ngày ký	Tên khách hàng	Nội dung	Giá trị (VND)
1.	2009	Công ty TNHH Cargil	Cung cấp dịch vụ Logistics	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
2.	2009	Công ty TNHH Colgate Pamolive	Cung cấp dịch vụ Logistics	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
3.	2009	Công ty TNHH Friesland Campina	Cung cấp dịch vụ Logistics	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
4.	2009	XN Chế biến Nấm xuất khẩu Tư Thao	Cung cấp dịch vụ Logistics	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
5.	2009	Công ty TNHH Uni President	Cung cấp dịch vụ Logistics	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
6.	2009	Công ty nước giải khát quốc tế Pepsico Việt nam	Cung cấp dịch vụ Logistics	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
7.	2009	Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Phú Thọ	Cung cấp dịch vụ Logistics	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
8.	2009	Công ty TNHH American Home	Cung cấp dịch vụ Logistics	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
9.	2009	Công ty Xi măng Chin fon	Thuê kho	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
10.	2009	Công ty CP Bê tông 620	Nâng hạ hàng qua cảng	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
11.	2009	Công ty TNHH Đức Dững	Nhót	Theo thực tế sản lượng hàng

TT	Ngày ký	Tên khách hàng	Nội dung	Giá trị (VND)
				hóa từng thời điểm
12.	2009	Công ty Xăng dầu Hoà Bình	Nhớt	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm
13.	2009	Công ty TNHH Đức Toàn	Xăng dầu	Theo thực tế sản lượng hàng hóa từng thời điểm

Nguồn: SOTRANS

Ghi chú: Các hợp đồng ký mỗi năm 1 lần và đang ký mới lại trong năm 2010.

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2007 – 9T/2009

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2007	2008	9T/2009
1.	Tổng giá trị tài sản	156.541	121.609	135.821
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	N/A ^(*)	(22,31%)	11,69%
2.	Doanh thu thuần	584.000	631.327	334.151
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	N/A ^(*)	8,1%	-
3.	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	23.478	22.014	19.962
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	N/A ^(*)	(6,24%)	-
4.	Lợi nhuận khác	1.712	997	1.602
5.	Lợi nhuận trước thuế	25.190	23.011	21.564
6.	Lợi nhuận sau thuế	18.137	16.568	18.868
	% tăng giảm so với cùng kỳ năm trước	N/A ^(*)	(8,65%)	-
7.	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ (%)	12%	18%	18%

Nguồn: BCKT năm 2007, 2008 và BCTC 9T/2009 của SOTRANS

^(*): Do Sotrans chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 1/1/2007 nên không có số liệu để so sánh với cùng kỳ năm trước.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Là một trong những doanh nghiệp đại lý vận tải và giao nhận hàng đầu tại Việt Nam, SOTRANS đã xây dựng được uy tín vững chắc trong ngành. Thế mạnh hiện tại của Công ty là mảng dịch vụ giao nhận, đại lý vận tải và kinh doanh kho bãi. Lợi nhuận thu được từ lĩnh vực kho vận giao nhận vẫn được duy trì và phát triển tốt trong thời kỳ khủng hoảng là do SOTRANS đã đầu tư nghiêm túc vào chất lượng dịch vụ với chiến lược “Văn phòng trong Văn phòng” để phục vụ khách hàng tận nơi và giải quyết nhanh chóng mọi vướng mắc của khách hàng.

Ưu thế về hệ thống kho bãi rộng khắp và kinh nghiệm hơn 30 năm trong ngành giúp SOTRANS có được vị thế cao không chỉ đối với khách hàng mà các đối tác cũng luôn chọn SOTRANS là đơn vị hợp tác để phát triển hệ thống kho tại nhiều khu vực.

Năm 2008, tuy ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính toàn cầu, doanh thu của Công ty vẫn tăng trưởng 8,1% so với năm 2007. Trong đó, các lĩnh vực hoạt động của công ty đều tăng trưởng, đặc biệt là kinh doanh kho bãi và đại lý giao nhận vận tải quốc tế. Các lĩnh vực kinh doanh khác như giao nhận và kinh doanh dầu nhớt công ty vẫn phát triển tốt về doanh thu tạo cơ sở cho Công ty phát triển.

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2008 giảm 2.179 triệu đồng, tương ứng giảm 8,6% so với năm 2007. Nguyên nhân chủ yếu là do:
 - Doanh thu thuần tăng 47.327 triệu đồng, tương ứng tăng 8,1% so với năm 2007 chủ yếu là do hoạt động giao nhận vận tải quốc tế và kinh doanh kho bãi. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 652 triệu đồng, tương ứng giảm 15,8% so với năm 2007.
 - Chi phí sản xuất kinh doanh tăng 48.138 triệu đồng, tương ứng tăng 8,5% so với năm 2007, bao gồm:
 - + Chi phí tài chính tăng 10.903 triệu đồng, tương ứng tăng 400,8% so với năm 2007, trong đó chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán tăng 7.834 triệu đồng. Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của sự sụt giảm chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2008 nên các cổ phiếu trong danh mục đầu tư của Công ty cũng giảm giá tương ứng. Ngoài ra, chi phí lãi vay ngân hàng tăng 958 triệu đồng so với năm 2007 do lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại Việt Nam tăng cao, đặc biệt là nửa cuối năm 2008.
 - + Chi phí bán hàng tăng 29.069 triệu đồng, tương ứng tăng 82% so với năm 2007, trong đó khoảng 22.000 triệu đồng tăng là do từ năm 2008, chi phí tiền lương, khấu hao và một số chi phí khác của các bộ phận giao nhận, kho bãi, đại lý hàng không v.v. được hạch toán vào chi phí bán hàng thay vì hạch toán vào giá vốn hàng bán như năm 2007. Vì thế, giá vốn hàng bán năm 2008 cũng giảm một khoản tương ứng.
- Lợi nhuận khác năm 2008 giảm 715 triệu đồng, tương ứng giảm 41,8% so với năm 2007 là do trong năm 2007, Công ty hạch toán tiền hàng khuyến mãi dầu nhớt Solube theo Thông tư số 32/TT-BTC ngày 09/4/2007 và thanh lý một số công cụ dụng cụ, tài sản không có nhu cầu sử dụng.
- Tổng giá trị tài sản năm 2008 giảm 34,9 tỷ đồng, tương đương giảm 22,31% so với năm 2007, chủ yếu là do:
 - Khoản phải thu ngắn hạn giảm 14 tỷ đồng, tương ứng giảm 24,13% so với năm 2007 là do Công ty giảm chính sách bán hàng trả chậm và ưu tiên bán hàng trả ngay.
 - Hàng tồn kho giảm 8,5 tỷ đồng, tương ứng giảm 21,57% so với năm 2007 là do lĩnh vực sản xuất kinh doanh xăng dầu, nhớt năm 2008 giảm so với năm 2007 và Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trị giá 2,7 tỷ đồng vào cuối năm 2008.
 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 5,1 tỷ đồng, tương ứng giảm 55,43%, chủ yếu là do Công ty trích lập thêm dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán trong năm 2008.
 - Tài sản cố định giảm 2 tỷ đồng do trong năm Công ty tiến hành thanh lý 1 số phương tiện vận tải và máy móc thiết bị.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

- Hiện nay, trên thị trường có khoảng 1.000 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa trong đó có khoảng 20 công ty liên doanh với nước ngoài (*Nguồn: Tạp chí Logistics số 14/2009*). Thị trường càng thể hiện mức độ cạnh tranh khi các công ty mới lần lượt ra đời và các công ty làm đại lý vận tải cạnh tranh giành khách hàng bằng cuộc chiến giảm phí dịch vụ một cách tối đa hoặc chịu chấp nhận không có lãi nhằm lôi kéo khách hàng. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo của SOTRANS chủ trương vẫn duy trì giữ nguyên mức phí của Công ty và đồng thời tăng cường tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng của dịch vụ. Do vậy đến nay, SOTRANS vẫn duy trì được một vị thế nhất định trên thị trường dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa. SOTRANS đã mua bảo hiểm trách nhiệm vận chuyển tổng hợp để đảm bảo an toàn về hàng hóa cho khách hàng. Chính vì vậy mặc dù trong giai đoạn khủng hoảng nhưng SOTRANS vẫn phát triển và duy trì được mức lợi nhuận ổn định trong khi nhiều công ty đã không duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối với dịch vụ vận tải hàng không: SOTRANS phát triển mạnh trong những năm vừa qua và đứng thứ 4 trong Top 5 các đơn vị đại lý vận tải hàng không hàng đầu năm 2007 do tạp chí AIRCargo xếp hạng.
- Đối với dịch vụ vận tải đường biển: SOTRANS cạnh tranh trực tiếp với các công ty có tên tuổi như Vinalink, Transimex, Gemadept, Safi... và trong nhiều năm liền, SOTRANS được đánh giá là một trong các doanh nghiệp hàng đầu của ngành. Đặc biệt, trong những năm gần đây, SOTRANS đã tạo được thế đứng vững trong dịch vụ vận tải đường biển đi các cảng khu vực Châu Âu và Mỹ.
- Đối với dịch vụ giao nhận vận tải và khai thác kho bãi: Đây là dịch vụ cốt lõi mà SOTRANS đã định hướng khai thác và phát triển thành dịch vụ chính từ trước đến nay. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thêm vào kho bãi, mở rộng chuỗi dịch vụ logistics. Đặc biệt trong thời gian tới SOTRANS sẽ đầu tư trang thiết bị, tổ chức Cảng thông quan nội địa – ICD SOTRANS với diện tích hơn 9 ha tại khu vực Thủ Đức để khẳng định vị thế của mình trong việc cung cấp các dịch vụ ICD và tiếp tục hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ (hiện tại Sotrans đang cho Công ty Gemadept thuê).
- SOTRANS hiện đang dẫn đầu trong việc tiếp nhận hàng hóa nhập khẩu với uy tín lớn trên thị trường, đặc biệt là trong lĩnh vực hàng xá, hàng rời. SOTRANS còn là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam (được phép thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan). Điều này khẳng định được trách nhiệm và vai trò của SOTRANS trong dịch vụ khai quan, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

▪ Ngành vận tải đường biển:

9 tháng đầu năm 2009, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 87,55 tỷ USD, giảm 18,5% so với cùng kỳ năm 2008. Tuy nhiên, tổng khối lượng vận chuyển hàng hóa 9 tháng đầu năm 2009 đạt mức 473,92

triệu tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2008 (*Nguồn: GSO*). Đây là cơ hội tốt cho dịch vụ giao nhận vận tải của Sotrans khi nền kinh tế ngày càng hồi phục.

Theo quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì dự kiến đến năm 2010, sẽ có khoảng 200 triệu tấn hàng hoá thông qua các cảng biển Việt Nam và nâng lên 340 triệu tấn trong 10 năm tiếp cùng với việc nâng cao thị phần vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu tương ứng là 25% năm 2010, 35% trong năm 2020 và vận tải biển nội địa là 100%. Theo đề án “Phát triển cảng biển Việt Nam”, khối lượng hàng hóa vận tải bằng đường biển qua các cảng của Việt Nam vào năm 2010 sẽ là 265 triệu tấn và 480 triệu tấn vào năm 2020. (*Nguồn: Thông tin tại Hội thảo về “Phát triển cảng biển Việt Nam” do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức*). Chính vì vậy nhu cầu về vận chuyển hàng hóa sẽ phát triển gắn liền với sự phát triển của chuỗi hoạt động logistics.

▪ **Ngành vận tải hàng không:**

Hiện tại, Việt Nam đứng thứ 6 trong ASEAN, thứ 42 - 43 trên thế giới về vận tải hàng không với 4 hãng hàng không: Vietnam Airlines, Pacific Airlines, VASCO, Tổng Công ty Bay dịch vụ (SFC) và 43 hãng hàng không nước ngoài khai thác đến Việt Nam. Hệ thống sân bay gồm 22 cảng hàng không, trong đó có 3 cảng quốc tế và 19 cảng nội địa.

Thời gian qua, vận tải hàng không Việt Nam đã phát triển nhanh chóng với tốc độ cao (tăng bình quân 11,7%/năm). Tổng doanh thu của các hãng hàng không Việt Nam năm 2006 đạt xấp xỉ 16.000 tỷ đồng, trong đó doanh thu của Vietnam Airlines chiếm khoảng 92%. Tổng số tàu bay của các doanh nghiệp vận chuyển hàng không Việt Nam hiện có 71 chiếc. Sotrans hiện đang là khách hàng lớn thứ 2 trong lĩnh vực vận tải hàng không của Vietnam Airlines.

▪ **Ngành kinh doanh kho bãi:**

Sự phát triển mạnh của hệ thống các doanh nghiệp làm nhu cầu hàng hóa tăng mạnh và thúc đẩy hoạt động kho bãi tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam còn hợp tác với các nước trong khu vực để hình thành các hệ thống kho phục vụ sự phát triển của chuỗi cung ứng. Thái Lan đã cử một đoàn doanh nhân chuyên về kinh doanh kho vận đi khảo sát tuyến đường bộ nối nước này với Việt Nam qua cảnh qua Lào. Thái Lan là nước có ngành kinh doanh kho vận rất phát triển và việc khảo sát nói trên là bước chuẩn bị cho việc hàng hóa Thái Lan có thể tiếp cận nhanh tới thị trường Việt Nam thông qua đường bộ. Các tuyến đường liên thông như đường Liên Á sẽ tạo cơ hội tốt cho hoạt động giao thương và kinh doanh kho bãi giữa các nước trong khu vực.

Là đơn vị nhiều năm kinh nghiệm về kinh doanh kho bãi, Sotrans hiện đã có hệ thống kho rộng khắp, đặt tại các đầu mối giao thương quan trọng trên toàn quốc, đặc biệt là các đầu mối trong tương lai như Phú Mỹ, Cái Mép... nhằm đón đầu nhu cầu phát triển hàng hóa khi hệ thống Cảng Cái Mép, Thị Vải hoạt động mạnh.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

- SOTRANS có cơ hội phát triển bền vững nhờ vào hệ thống kho bãi cảng lớn và tọa lạc tại các vị trí quan trọng, thuận lợi giao thương.

- SOTRANS luôn đi đầu trong các hoạt động giao nhận vận tải quốc tế và logistics. SOTRANS là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam (được phép thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu lên tờ khai hải quan và thay mặt khách hàng giải quyết các vấn đề phát sinh).
- Nguồn nhân lực chất lượng cao, có kinh nghiệm và được đào tạo bài bản.
- Thương hiệu SOTRANS có uy tín lớn trong lĩnh vực logistics.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

- Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 30/9/2009 là 346 người với cơ cấu như sau:

Bảng 11: Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc

Phân loại	Số người	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ		
Trên đại học	10	2,9
Đại học	156	45,0
Cao đẳng	39	11,3
Trung cấp, CNKT lành nghề	93	26,9
Lao động phổ thông	48	13,9
Tổng cộng	346	100
Theo tính chất công việc		
Lao động trực tiếp	292	84,4
Lao động gián tiếp	54	15,6
Tổng cộng	346	100

9.2. Chế độ làm việc

- Công ty thực hiện chế độ 44 giờ/tuần, 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ các ngày lễ theo quy định hiện hành. Ngoài thời gian trên, nếu có công việc phải thực hiện theo yêu cầu của người ủy thác dịch vụ, hay để phù hợp với lịch tàu, kế hoạch làm hàng... thì phụ trách các bộ phận phải bố trí sắp xếp những người có liên quan tiếp tục thực hiện công việc trong phạm vi cần thiết. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ Luật lao động.
- Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc,... được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện nội quy an toàn vệ sinh lao động, đảm bảo các điều kiện lao động phù hợp với sức khỏe của người lao động.

9.3. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Để lương, thưởng thực sự là đòn bẩy khuyến khích Cán bộ CNV tích cực, sáng tạo trong lao động nhằm đem lại hiệu quả cao, Công ty xây dựng hệ số trả lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của Doanh nghiệp Nhà nước, một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.
- Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.
- Đối với khâu kinh doanh then chốt (như bộ phận sales) thực hiện khoán doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.
- Ngoài việc đãi ngộ tiền lương, thưởng Công ty còn thưởng chuyến du lịch nước ngoài cho những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời xét bổ nhiệm vào vị trí phù hợp để được hưởng mức thu nhập cao hơn.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và được đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau :

- Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Nếu Công ty có dự án sinh lời thì theo đề nghị của HĐQT và sự chấp thuận của ĐHĐCĐ thì toàn bộ hay một phần cổ tức dự định chia sẽ được giữ lại để tái đầu tư.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.
- Tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời hạn 6 tháng hoặc cả năm.

Bảng 12: Tỷ lệ cổ tức 2007 – 2010 (dự kiến)

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010
Cổ tức/Vốn điều lệ (%)	12%	18%	18%(*)	18%

Nguồn: SOTRANS

(*): Công ty đã trả cổ tức đợt 1/2009 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 16% vào tháng 11/2009. 2% bằng tiền mặt còn lại dự tính sẽ được chi trả vào giữa năm 2010 sau cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.

11. Tình hình tài chính

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản trong năm vừa qua

a. Trích khấu hao TSCĐ

- TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính.

- Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

- | | |
|--------------------------|------------|
| • Nhà cửa vật kiến trúc: | 6 – 40 năm |
| • Máy móc thiết bị: | 6 – 10 năm |
| • Phương tiện vận tải: | 6 – 10 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| • Các tài sản khác | 5 – 10 năm |
| • Quyền sử dụng đất | 50 năm |

b. Mức lương bình quân

- Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty trong năm 2008 là 8.245.000 đồng/ người/ tháng.

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

- Các khoản nợ của Công ty luôn được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có các khoản nợ quá hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

- Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước.

e. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế TNDN cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ với chi tiết cụ thể như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính thường được trích 10% (lợi nhuận sau thuế - cổ tức) nhằm để dự phòng giải quyết những rủi ro về tài chính trong kinh doanh
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập theo quyết định của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo quyết định của Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích là phần còn lại của lợi nhuận sau thuế trừ đi cổ tức chia cho cổ đông.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2009 tổ chức ngày 19 tháng 3 năm 2009, Đại hội thống nhất phân chia quỹ khen thưởng phúc lợi nhằm cơ chế khuyến khích người lao động làm việc có hiệu quả như sau:

- Trích lập quỹ Phúc lợi và khen thưởng là 30% (lợi nhuận sau thuế trừ đi cổ tức)

Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2007, 31/12/2008 và 30/9/2009 như sau:

Bảng 13: Trích lập các quỹ

ĐVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/9/2009
Quỹ dự phòng tài chính	1.201.685	1.940.049	1.940.049
Quỹ đầu tư phát triển	12.451.880	21.944.134	944.134
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.494.056	2.800.116	549.865
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	360.506	913.288	374.489
Lợi nhuận chưa phân phối	906.845	1.735.027	20.596.738
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-

Nguồn: BCKT năm 2007 – 2008 và BCTC 9T/2009 của SOTRANS

f. Tổng dư nợ vay

Bảng 14: Tình hình dư nợ vay của Công ty đến thời điểm 30/09/2009

Đvt: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	30/09/2009
Vay ngắn hạn ngân hàng	13.214.048	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	13.214.048	-

Nguồn: BCKT năm 2008 và BCTC 9T/2009 của SOTRANS

g. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải thu tại thời điểm 30/09/2009 của Công ty

Đvt: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Phải thu khách hàng	50.593.469	36.370.441	43.426.628
Trả trước cho người bán	3.819.410	4.588.458	2.338.233
Các khoản phải thu khác	3.877.744	3.523.664	6.937.265
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	(65.361)	(301.796)	(301.796)
Tổng cộng	58.225.263	44.180.768	52.400.330

Nguồn: BCKT năm 2007, 2008 và BCTC 9T/2009 của SOTRANS

(*) Công ty trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi theo quy định tại Thông tư số 13/ 2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Theo đó, Sotrans đã trích lập dự phòng với khoản công nợ phải thu từ 3 tháng đến dưới 12 tháng (chiếm 60%), các khoản phải thu từ 1 năm đến dưới 2 năm (chiếm 22%), còn lại 18% là từ 2 năm đến dưới 3 năm. Tuy nhiên, đến ngày 15/12/2009, Công ty đã thu hồi được 263.278 ngàn đồng (chiếm 87% số dư tại thời điểm 30/9/2009).

- Các khoản phải trả

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải trả tại thời điểm 30/09/2009 của Công ty

Đvt: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Nợ ngắn hạn	86.810.618	40.801.203	39.050.067

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Vay và nợ ngắn hạn	16.338.127	13.214.048	-
Phải trả người bán	30.825.589	10.273.784	18.773.006
Người mua trả tiền trước	2.934.560	1.410.509	1.555.906
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.284.623	1.437.276	3.165.990
Phải trả CBCNV	10.193.987	8.949.464	10.509.572
Chi phí phải trả	54.545	353.088	860.524
Các khoản phải trả phải nộp khác	25.179.186	5.163.033	4.185.069
Nợ dài hạn	315.000	475.651	365.566
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	165.000	325.651	297.651
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	150.000	150.000	67.915
Tổng cộng	41.276.854	87.125.618	39.415.633

Nguồn: BCKT năm 2007, 2008 và BCTC 9T/2009 của SOTRANS

Ghi chú: Tại thời điểm 30/9/2009, Công ty còn thừa vốn để hoạt động nên đã thanh toán hết các khoản nợ vay trước hạn.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 2007 – 9T/2009

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2007	2008	9T/2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:		1,46	2,28	2,85
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần			
+ Hệ số thanh toán nhanh:		1,01	1,52	2,47
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	55,66	33,94	29,02
+ Hệ số Nợ /Vốn chủ sở hữu	%	132,17	53,24	41,12
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:		6,10	5,34	4,67
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	3,73	5,19	2,46
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,11	2,62	5,65
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,59	13,62	13,89
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	31,02	23,10	19,68

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2007	2008	9T/2009
bình quân				
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,02	3,49	5,97

Nguồn: BCKT năm 2007, 2008 và BCTC 9T/2009 của SOTRANS

12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

Bảng 18: Danh sách HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Họ và Tên	Chức danh	Số CMND
Hội đồng quản trị		
Hoàng Quyển	Chủ tịch HĐQT	020161801
Đoàn Thị Đông	Phó chủ tịch HĐQT	024673525
Trần Huy Hiền	Ủy viên HĐQT	021777243
Tô Hải	Ủy viên HĐQT	022977047
Nguyễn Thế Vinh	Ủy viên HĐQT	022974097
Ban Giám đốc		
Hoàng Quyển	Tổng Giám đốc	020161801
Đoàn Thị Đông	Phó Tổng Giám đốc	024673525
Trần Huy Hiền	Phó Tổng Giám đốc	021777243
Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	022416192
Ban Kiểm soát		
Phan Đình Bội	Trưởng Ban KS	022052470
Trần Văn Đức	Ủy viên Ban KS	023913521
Võ Sáng Xuân Vinh	Ủy viên Ban KS	022728615
Kế toán trưởng		
Trương Văn Thuần	Kế toán trưởng	023454061

Nguồn: Sotrans

12.1. Hội đồng quản trị**Ông Hoàng Quyển – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/10/1950
- Nơi sinh: Hải Dương
- Số CMND: 020161801
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 2/24 Võ Trường Toản, P.An Phú , Q.2, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 08. 3826 6594 (Ext. 114)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Luật chuyên ngành Luật và Đại học kinh tế chuyên ngành Kinh tế Lao động.
- Quá trình công tác:
 - + Từ 06/1968 đến 03/1976: Bộ đội C2 D29 F9 Miền Đông Nam Bộ.
 - + Từ 04/1976 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Cán sự nhân sự, chuyên viên Thanh tra Bảo vệ.
 - Phó phòng Tổ chức – Hành chính, Phó Giám đốc Tổng kho, Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Thương mại.
 - Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty.
 - + Từ 01-2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 15/12/2009: 2.449.639 cổ phần, chiếm 29,33% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 2.440.372 cổ phần (đại diện vốn Nhà nước), chiếm 29,22% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 9.267 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của những người có liên quan:
 - + Vợ: Trần Thị Châu sở hữu 29.134 cổ phần, chiếm 0,35% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Bà Đoàn Thị Đông - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/06/1957
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Số CMND: 024673525
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: 47-57 Nguyễn Thái Bình, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 08. 3826 6594 (Ext. 116)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Bách Khoa chuyên ngành Động cơ và Đại học Thương Mại chuyên ngành QTKD
- Quá trình công tác:
 - + Từ 05/1981 đến 06/1985: Cán bộ Kỹ thuật Công ty XD cấp thoát nước số 2
 - + Từ 07/1985 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ :
 - Cán bộ Kỹ thuật, chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ.
 - Trưởng ban Vật tư Kỹ thuật, Xưởng phó xưởng sửa chữa.
 - Giám đốc XN Kinh doanh Thương mại.
 - Phó Giám đốc Công ty.
 - + Từ 01/2007 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Đông Hải Bến Tre.
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 15/12/2009: 7.194 cổ phần, chiếm 0,086% vốn điều lệ.
- Số cổ phần của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Trần Huy Hiền – Thành viên hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/10/1958
- Nơi sinh: Nghệ An
- Số CMND: 021777243
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: 1351 Hoàng Văn Thụ, P4, Tân Bình, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 08. 3940 0947 (Ext. 171)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, ĐH Thương Mại
- Quá trình công tác:
 - + Từ 09/1979 đến 05/1980: Chuyên gia Thương nghiệp Campuchia.
 - + Từ 06/1980 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:

- Chuyên viên kinh doanh, Tổ trưởng kho, Quản đốc Kho, Quản đốc cụm kho, Đội trưởng đội bảo quản.
 - Phó Giám đốc, Giám đốc Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế.
- + Từ 01/2007 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP SDB Việt Nam.
 - + Tổng thư ký Hiệp hội Giao nhận Kho Vận Việt Nam (VIFFAS) nhiệm kỳ 2007-2010.
 - Số cổ phần nắm giữ tại ngày 15/12/2009: 1.559.463 cổ phần, chiếm 18,67% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 1.545.570 cổ phần (đại diện vốn Nhà nước), chiếm 18,51% vốn điều lệ.
 - - + Cá nhân sở hữu: 13.893 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
 - Số cổ phần của những người có liên quan:
 - + Vợ: Đỗ Thị Tuyết Nga sở hữu 2.794 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Tô Hải - Thành viên hội đồng Quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1973
- Nơi sinh: Thái Bình
- Số CMND: 022977047
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đakao, Q.1, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 08.3914.3588
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1997 - 2000: Cán bộ dự án – Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng công ty Bưu chính Viễn Thông Việt Nam
 - + Từ năm 2001-2002: Chuyên viên phân tích – Công ty chứng khoán Bảo Việt
 - + Từ 2002-2003: Trưởng phòng Tư vấn – Công ty Chứng khoán Đông Á
 - + Từ 2003-2007: Giám đốc Chi nhánh – Công ty Chứng Khoán Bảo Việt
 - + Từ T10/2007 đến nay: Tổng giám đốc – Công ty Chứng khoán Bản Việt
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Chứng khoán Bản Việt

- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 22/01/2010: 831.386 cổ phần, chiếm 9,95% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 831.386 cổ phần (đại diện Công ty Chứng Khoán Bản Việt), chiếm 9,95% vốn điều lệ. Ngày 31/12/2009 Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt có nhận chuyển nhượng 60.024 cổ phiếu từ ông Trần Quyết Thắng
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Ông Nguyễn Thế Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kho Vận Miền Nam

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/5/1976
- Nơi sinh: TP.HCM
- Số CMND: 022974097
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 60/71 Tổ 20, KP4, P.tân Hưng Thuận, Q.7, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 0907.909.966
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ Tháng 7/1997 đến tháng 8/2006: Trưởng phòng – Sở giao dịch Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
 - + Từ tháng 8/2006 đến nay: Tổng giám đốc công ty Quản lý & Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Quản lý & Khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 15/12/2009: 1.691.339 cổ phần, chiếm 20,25% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 1.691.339 cổ phần (đại diện Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín), chiếm 20,25% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần của những người có liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

12.2 Ban Giám đốc

Ông Hoàng Quyển – Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam

(Xem chi tiết phần Thành viên Hội đồng Quản trị)

Bà Đoàn Thị Đông – Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam

(Xem chi tiết phần Thành viên Hội đồng Quản trị)

Ông Trần Huy Hiền – Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam

(Xem chi tiết phần Thành viên Hội đồng Quản trị)

Ông Trần Mạnh Đức – Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Kho vận Miền Nam

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1970
- Nơi sinh: TP.HCM
- Số CMND: 022416192
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Tháp
- Địa chỉ thường trú: 115/58 Trần Đình Xu, P. Nguyễn Cư Trinh, Q1, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 08. 3940 0947 (Ext. 123)
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ chuyên ngành QTKD Đại học Hàng Hải
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/1995 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Nhân viên giao nhận, Tổ trưởng kinh doanh.
 - Phó Giám đốc XN Đại lý Giao nhận vận tải Quốc tế, Giám đốc Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận Thủ Đức.
 - + Từ 01/2007 đến nay: Công tác tại Công ty CP Kho Vận Miền Nam với các chức vụ :
 - Giám đốc XN Dịch vụ Kho bãi cảng.
 - Phó Tổng Giám Đốc Công ty.
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám Đốc
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 15/12/2009: 4.561 cổ phần, chiếm 0,05 % vốn điều lệ
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

12.3 Ban kiểm soát

Ông Phan Đình Bội – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 17/07/1951
- Nơi sinh: Hà Bắc
- Số CMND: 022052470

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Bắc
- Địa chỉ thường trú: 269/5 Xô viết Nghệ Tĩnh-P24-Q.Bình Thạnh-TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 08. 3826 6594 (109)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế chuyên ngành Kế hoạch hóa Kinh tế quốc dân

- *Quá trình công tác:*

- + Từ 04/1972 đến 07/1981: Bộ đội lái xe tải binh trạm 21 Cục Vận tải.
- + Từ 08/1981 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Lái xe tải, kỹ thuật viên, đội phó đội xe.
 - Chuyên viên Kế hoạch nghiệp vụ.
- + Từ 01/2007 đến nay: Trưởng ban kiểm soát kiêm Chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban Kiểm soát kiêm Chuyên viên Kế hoạch Nghiệp vụ.
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 15/12/2009: 5.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông Trần Văn Đức – Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/04/1963
- Nơi sinh: TP.HCM
- Số CMND: 023913521
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: 93/17 XVNT, P17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 08. 3940 0447 (Ext. 117)
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Kế toán kiểm toán
Đại học Kinh tế chuyên ngành Kinh tế Thương Nghiệp

- *Quá trình công tác:*

- + Từ 01-1982 đến 12-2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Kế toán viên, Tổ trưởng Kế toán.
 - Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế.
- + Từ 01/2007 đến nay: Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp Đại lý Giao nhận Vận tải Quốc tế thuộc Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát kiểm Trưởng phòng Kế toán XN Đại lý GNVN Quốc Tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 15/12/2009: 6.475 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông Võ Sáng Xuân Vinh - Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty CP Kho vận Miền Nam

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1972
- Nơi sinh: TP.HCM
- CMND số: 022728615 Cấp ngày: 24/7/2003 Tại: TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vĩnh Long
- Địa chỉ thường trú: 17 Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 08. 3820 2131
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh (MBA) chuyên ngành Tài Chính (Anh Quốc), Văn bằng CFA (Mỹ).
- *Quá trình công tác:*
 - + Từ 4/1998 – 11/2001: Phó Phòng Thẩm Định Quỹ Đầu tư Phát triển Đô Thị TP. Hồ Chí Minh (HIFU)
 - + Từ 11/2001 – 7/2003: Cán bộ đầu tư Mekong Capital
 - + Từ 7/2003-7/2005: Phó Giám đốc Công ty TNHH Tư Vấn và Phát Triển Công Nghệ ECO
 - + Từ 7/2005 – 4/2007: Giám đốc Đầu tư VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc
 - + Từ 5/2007 – 12/2007: Trưởng Đại diện VPĐD Thường trú Aureos Philippine Adviser, Inc
 - + Từ 01/2008 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (Saigon Capital).
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm Soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác + Tổng giám đốc Cổ Phần Quản lý Quỹ Sài Gòn (Saigon Capital)
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 15/12/2009: 2.807 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

12.4 Kế toán trưởng**Ông Trương Văn Thuận – Kế Toán Trưởng Công ty CP Kho vận Miền Nam**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 30/07/1960
- Nơi sinh: Thái Bình
- Số CMND: 023454061
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 212/321/21 Nguyễn Văn Nguyễn, P. Tân Định, Q.1, TP. HCM
- Số Điện thoại liên lạc: 08. 3826 6594 (Ext. 104)
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng; Đại học Luật chuyên ngành Luật, Ngoại Thương, Kinh tế quốc dân, Ngoại Ngữ chuyên Anh
- Quá trình công tác:
 - + Từ 12/1980 đến 10/1983: Bộ đội trung đoàn 670 Quân khu 3
 - + Từ 11/1983 đến 02/1988: Sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
 - + Từ 03/1988 đến 02/1992: Kế toán Công ty Xăng dầu Khu vực II
 - + Từ 03/1992 đến 12/2006: Công tác tại Công ty Kho Vận Miền Nam với các chức vụ:
 - Kế toán viên Tổng hợp
 - Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty, Kế Toán Trưởng Công ty.
 - + Từ 01/2007 đến nay: Kế Toán Trưởng Công ty CP Kho Vận Miền Nam
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế Toán Trưởng
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 15/12/2009: 812 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

13. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

13.1. Tài sản cố định

Các tài sản chính của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008 trên bảng Báo cáo tài chính đã kiểm toán:

Bảng 19: *Danh mục tài sản cố định chính của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008*

Đvt: 1.000 đồng

Stt	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại tính đến 31/12/2008
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	52.585.886	35.886.339	16.699.547
2.	Phương tiện vận tải	16.223.290	12.453.256	3.770.034
3.	Máy móc thiết bị	6.919.317	5.160.985	1.758.331

4.	Thiết bị dụng cụ quản lý	1.722.282	1.165.504	556.777
Tổng cộng		77.450.774	54.666.085	22.784.689

Nguồn: BCKT năm 2008 của SOTRANS

Bảng 20: Các loại tài sản cố định vô hình của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008

Đvt: 1.000 đồng

Stt	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại tính đến 31/12/2008
1.	Quyền sử dụng đất có kỳ hạn	1.287.550	68.669	1.218.881
2.	Phần mềm kế toán	472.651	129.447	343.203
3.	TSCĐ vô hình khác	147.778	138.596	9.182
Tổng cộng		1.907.979	336.713	1.571.266

Nguồn: BCKT năm 2008 của SOTRANS

13.2. Các tài sản đầu tư tài chính dài hạn

Bảng 21: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đvt: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	-	1.680.000	1.680.000
Tổng cộng			

Nguồn: BCKT năm 2007, 2008 và BCTC 9T/2009 của SOTRANS

13.3 Tình hình đất đai của Công ty tại thời điểm 30/09/2009 như sau:

* Đất của Công ty đang sử dụng:

Bảng 22: Đất Công ty đang sử dụng

Stt	Địa điểm khu đất	Diện tích	Hình thức	Giá trị còn lại tính đến 30/09/2009
1.	Tòa nhà văn phòng + 9 nhà kho tại Khu đất 1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, TP.HCM	11.227,1 m ²	Đất thuê (hàng năm)	2.008.322
2.	Văn phòng, nhà xưởng cho thuê tại Khu đất 117A Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, TP.HCM	2.635 m ²	Đất thuê (hàng năm)	370.966
3.	Tòa nhà văn phòng cho thuê (6 lầu) tại Khu đất 15 Hoàng Diệu, P.12, Q.4, TP.HCM	106 m ²	Đất thuê (50 năm)	1.794.505
4.	Tòa nhà văn phòng làm việc (4 lầu) tại Khu đất 18 Hoàng Diệu, P.12, Q.4, TP.HCM	89 m ²	Đất thuê (50 năm)	153.936
5.	Kho, bãi, cảng, văn phòng làm việc tại Khu đất Km 9 Xa Lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức, TP.HCM	93.912,5 m ²	Đất thuê (đến năm 2020)	6.307.358
6.	Nhà đất Đà Lạt - 36/1 Sương Nguyệt Ánh, P.9, Đà Lạt	767,50 m ²	Đất giao	1.230.347

Stt	Địa điểm khu đất	Diện tích	Hình thức	Giá trị còn lại tính đến 30/09/2009
-----	------------------	-----------	-----------	-------------------------------------

7.	Trạm xăng tại Khu đất Ngũ phúc – Hồ Nai (*)	3.872,0 m ²	Đất thuê (50 năm)	292.238
----	---	------------------------	--------------------	---------

(*) Khu đất này Công ty đã chuyển nhượng và đang làm thủ tục sang tên.

*** Đất Công ty đang hợp tác xây dựng kho**

Hình thức hợp tác: Đầu tư xây dựng kho kinh doanh trên đất của doanh nghiệp khác, bao gồm:

1. Kho SOWATCO : Hợp tác với Tổng công ty đường sông Miền Nam

- Địa điểm : Phường Long Bình - Quận 9 - TP.HCM
- Diện tích : 5.991 m²
- Thời gian hợp tác : 8 năm kể từ ngày 20/3/2006
- Giá trị tài sản nguyên giá : 3.594.600.000 VNĐ
- Giá trị còn lại đến ngày 30/9/2009: 1.212.025.372 VNĐ

2. Kho Thủy Lợi (Kho 1) : Hợp tác với Công ty xây dựng 43 (Kho 1)

- Địa điểm : Phường Phước Long A - Quận 9 - TP.HCM
- Diện tích : 4.500 m²
- Thời gian hợp tác : 10 năm kể từ ngày 27/6/2002
- Giá trị tài sản nguyên giá : 2.580.000.000 VNĐ
- Giá trị còn lại đến ngày 30/9/2009: 333.250.000 VNĐ

3. Kho Thủy Lợi (Kho 2) : Hợp tác với Tổng công ty xây dựng 4

- Địa điểm : Phường Phước Long A - Quận 9 - TP.HCM
- Diện tích : 4.500 m²
- Thời gian hợp tác : 10 năm kể từ ngày 24/3/2004
- Giá trị tài sản nguyên giá : 2.095.800.000 VNĐ
- Giá trị còn lại đến ngày 30/9/2009: 692.390.204 VNĐ

4. Kho Thủy Lợi (Kho 3) : Hợp tác với Công ty xây dựng 44

- Địa điểm : Phường Phước Long A - Quận 9 - TP.HCM
- Diện tích : 2.250 m²
- Thời gian hợp tác : 10 năm kể từ ngày 11/6/2004
- Giá trị tài sản nguyên giá : 1.339.200.000 VNĐ
- Giá trị còn lại đến ngày 30/9/2009: 238.345.726 VNĐ

5. Kho Thủy Lợi (Kho 4) : Hợp tác với Công ty xây dựng 43

- Địa điểm : Phường Phước Long A - Quận 9 - TP.HCM
- Diện tích : 4.000 m²
- Thời gian hợp tác : 10 năm kể từ ngày 1/11/2005
- Giá trị tài sản nguyên giá : 2.580.000.000 VNĐ
- Giá trị còn lại đến ngày 30/9/2009: 0 VNĐ

6. **Kho Viconship** : Hợp tác với Công ty CP Container Phía Nam
- Địa điểm : Phường Tân Thuận Đông - Quận 7 - TP.HCM
 - Diện tích : 4.500 m²
 - Thời gian hợp tác : 5 năm kể từ ngày 22/12/2003 (Gia hạn đến năm 2013)
 - Giá trị tài sản nguyên giá : 3.535.262.727VNĐ
 - Giá trị còn lại đến ngày 30/9/2009: 985.948.398 VNĐ

14. Các dự án đầu tư

1. Đầu tư thiết bị cảng thông quan nội địa (ICD Sotrans) .

- *Giai đoạn I (2010-2012) thay thế cho khách hàng thuê trực tiếp khai thác như hiện nay*

- Diện tích bãi cảng và kho: khoảng hơn 75.000 m², cầu cảng dài hơn 310 mét: 2 hạng mục này đã được đầu tư.
- Trang thiết bị: Cầu cố định; xe nâng hạ container; xe vận tải trên 20 tấn và các thiết bị khác: ước khoảng 51,7 tỷ đồng.
- Xây dựng, trang bị văn phòng Hải Quan; văn phòng ICD và địa điểm phụ trợ khác: ước khoảng 3,3 tỷ đồng.
- Chi phí dự phòng: khoảng 500 triệu đồng.

Tổng giá trị đầu tư khoảng 55,5 tỷ đồng không tính hạ tầng kho, bãi cảng đã đầu tư.

Hiệu quả đầu tư:

- + Bình quân doanh thu thuần hàng năm: 60 -> 80 tỷ đồng
- + Bình quân lợi nhuận sau thuế: 11 -> 27 tỷ đồng
- + Bình quân lợi nhuận trên doanh thu: 18 -> 34%
- + Lợi nhuận / Tổng mức đầu tư (ROI): 84 -> 260%
- + Lợi nhuận/ Tổng tài sản đầu tư 91 -> 279%

Chênh lệch tự quản lý điều hành/ Cho thuê ICD: Doanh thu tăng khoảng 40 - 60 tỷ đồng

Lợi nhuận tăng khoảng 5 - 21 tỷ đồng

- *Giai đoạn II (2013 – 2015):*

- Đầu tư mở rộng ICD Sotrans:
 - + Diện tích bãi cảng và kho: khoảng 93.000 m² (tăng thêm 18.000 m²)
 - + Cầu cảng dài 410 mét.
 - + Trang thiết bị: bổ sung tăng tương ứng.
 - + Hiệu quả đầu tư tăng tương ứng mức đầu tư bổ sung.

2. Lập dự án đầu tư: Trung tâm tiếp vận thuộc tỉnh Đồng Nai khoảng 40 ha đất.

- Năm 2010: tiến hành lập hồ sơ xin thỏa thuận địa điểm đầu tư dự án.
- Năm 2011: triển khai dự án: bồi thường nhận bàn giao mặt bằng.
- Năm 2012: san lấp mặt bằng, triển khai dự án.

3. Đầu tư xây dựng trung tâm Thương mại, khách sạn, văn phòng (theo quy hoạch của TP.HCM).

- Khu đất dự kiến đầu tư: tại số 1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, TP.HCM và số 117A Nguyễn Tất Thành, P.13, Q4, TP.HCM.
- Địa điểm: bờ sông Sài Gòn và mặt tiền đường Nguyễn Tất Thành.

- Diện tích đất: hơn 13.000 m².
- Tiến độ dự án: đang chờ quy hoạch của Ủy Ban Nhân dân TP.HCM

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 - 2011

Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2009 – 2011

Chỉ tiêu	2009		2010		2011	
	Triệu đồng	% (+/-) so với 2008	Triệu đồng	% (+/-) so với 2009	Triệu đồng	% (+/-) so với 2010
Vốn điều lệ	83.520	32.520	83.520	-	83.520	-
Doanh thu thuần	500.000	(131.327)	540.000	40.000	600.000	60.000
Lợi nhuận sau thuế	21.000 ^(*)	(2.010)	23.000 (*)	2.000	24.000	1.000
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,2%	(0,55)%	3,7%	0,1%	4%	0,23%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	25,14%	(19,97)%	23,95%	(1,19)%	28,7%	4,75%
Cổ tức/Vốn điều lệ		18%		18%		18%

Nguồn: SOTRANS

(^{*}): Năm 2009 và 2010, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp. Kể từ năm 2011 trở đi, Công ty trả mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Ghi chú: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào các dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin và giả định có được tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

➤ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận:

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty căn cứ vào các dự đoán và ước tính dựa vào yếu tố sau: các ngành nghề chính của Công ty vẫn hoạt động ổn định và bổ sung thêm dự án ICD Sotrans bắt đầu hoạt động từ ngày 01/01/2010 thay vì cho thuê như hiện nay, cụ thể:

- Năm 2009: Như đã thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2009, Công ty đề ra kế hoạch doanh thu năm 2009 là 500 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng/2009 cho thấy doanh thu của Sotrans chỉ mới đạt 334 tỷ đồng, tương ứng 66,8% kế hoạch cả năm. Nguyên nhân là do doanh thu từ hoạt động kinh doanh xăng - dầu - nhớt bị sụt giảm nghiêm trọng do giá dầu thế giới giảm mạnh. Tuy nhiên, do hoạt động kinh doanh xăng - dầu - nhớt chỉ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu lợi nhuận của Công ty (khoảng 10% tổng lợi nhuận) nên không ảnh hưởng nhiều đến kế hoạch lợi nhuận của toàn Công ty. 9 tháng đầu năm 2009, lợi nhuận sau thuế của Sotrans đạt 18,87 tỷ đồng, tương đương 90% kế hoạch lợi nhuận cả năm.
- Năm 2010: Doanh thu các hoạt động chính vẫn giữ ổn định: hoạt động kho bãi bốc xếp chiếm khoảng 16%; Giao nhận vận tải quốc tế chiếm khoảng 32%; Giao nhận hàng hoá XNK chiếm 18%; Xăng dầu nhớt chiếm khoảng 34%; Riêng việc đưa ICD Sotrans vào hoạt động thay vì cho thuê như hiện nay sẽ giúp doanh thu của Sotrans tăng khoảng 40 tỷ đồng so với năm 2009.

- Năm 2011: Doanh thu các hoạt động chính vẫn giữ ổn định. Riêng ICD Sotrans sau 1 năm hoạt động ổn định sẽ đưa lượng hàng về cảng nhiều hơn và doanh thu năm 2011 ước tăng khoảng 60 tỷ đồng so với năm 2010.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích về hoạt động kinh doanh của Công ty CP Kho vận Miền Nam cũng như về các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Theo Báo cáo tài chính 9 tháng/2009, tuy mức doanh thu có khả năng không đạt được kế hoạch đề ra (như đã nêu ở phần trên), lợi nhuận sau thuế của Công ty là 18,87 tỷ đồng, tương ứng với gần 90% kế hoạch đề ra. Dựa theo tình hình hoạt động kinh doanh hiện nay thì khả năng Công ty đạt mức lợi nhuận đề ra cho cả năm 2009 là có tính khả thi.

Với tỷ lệ cổ tức dự kiến của Công ty trong các năm tới là 18%, chúng tôi đánh giá phần lợi nhuận còn lại đủ cho Công ty trích lập các quỹ theo quy định và bổ sung nguồn vốn kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai.

Với sự phục hồi của nền kinh tế và các hoạt động xuất nhập khẩu trong những tháng gần đây, cùng với kế hoạch triển khai đầu tư thiết bị cảng thông quan nội địa (ICD Sotrans) thay vì cho thuê như hiện nay, SSI nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 – 2011 của Sotrans là có tính khả thi nếu không có những biến động lớn ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ghi chú: Những nhận xét trên chỉ nhằm mục đích tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

- Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

- Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

- Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

- Mệnh giá: **10.000** (Mười ngàn) đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

- Tổng số chứng khoán niêm yết: 8.351.857 cổ phần.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

- 2.572.734 cổ phần do cổ đông là thành viên HĐQT, BGD, BKS và Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và ít nhất 50% số cổ phần này trong 06 tháng tiếp theo.

Bảng 24: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 22/01/2010

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số CMND	Số lượng CP sở hữu	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ	Ghi chú
1.	Hoàng Quyến	Chủ tịch HĐQT, TGD	020161801	9.267	9.267 4.634	6 tháng 12 tháng	
2.	Đoàn Thị Đông	Ủy viên HĐQT, PTGD	024673525	7.194	7.194 3.597	6 tháng 12 tháng	
3.	Trần Huy Hiền	Ủy viên HĐQT	021777243	13.893	13.893 6.947	6 tháng 12 tháng	
4.	Tô Hải	Ủy viên HĐQT	022977047	831.386	831.386 415.693	6 tháng 12 tháng	Đại diện CTCK Bản Việt
5.	Nguyễn Thế Vinh	Ủy viên HĐQT	022974097	1.691.339	1.691.339 845.670	6 tháng 12 tháng	Đại diện Công ty CP Đầu tư Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
6.	Trần Mạnh Đức	Phó Tổng Giám đốc	022416192	4.561	4.561 2.281	6 tháng 12 tháng	
7.	Phan Đình Bội	Trưởng Ban KS	022052470	5.000	5.000 2.500	6 tháng 12 tháng	
8.	Trần Văn Đức	Ủy viên Ban KS	023913521	6.475	6.475 3.238	6 tháng 12 tháng	
9.	Võ Sáng Xuân Vinh	Ủy viên Ban KS	022728615	2.807	2.807 1.404	6 tháng 12 tháng	
10.	Trương Văn Thuận	Kế toán trưởng	023454061	812	812 406	6 tháng 12 tháng	

TỔNG CỘNG	2.572.734	2.572.734 1.286.367	6 tháng 12 tháng	
------------------	------------------	--------------------------------------	-----------------------------------	--

Nguồn: SOTRANS

Ghi chú: Ngày 31/12/2009 Công ty CP Chứng Khoán Bản Việt có nhận chuyển nhượng 60.024 cổ phiếu từ ông Trần Quyết Thắng

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty CP Kho vận Miền Nam là giá được tính toán dựa trên các phương pháp so sánh P/E với các doanh nghiệp cùng ngành khác có cổ phiếu đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và giá trị sổ sách của Công ty.

Ghi chú: Đây chỉ là một trong những phương pháp tính giá mà nhà đầu tư có thể tham khảo, ngoài ra, giá của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam còn phụ thuộc vào cung cầu thị trường.

a. Phương pháp so sánh P/E:

Mã CK	SLCP lưu hành	EPS cơ bản (9T/2009)	Giá(VNĐ)(*)	P/E	Giá trị thị trường	Tỉ trọng theo giá trị thị trường	Trung bình trọng số
TMS	12.612.918	3.490	34.500	9,89	435.145.671.000	43,3%	4,28
VNL	8.190.000	2.767	21.800	7,88	178.542.000.000	17,77%	1,4
SFI	8.290.452	3.744	33.000	8,81	273.584.916.000	27,22%	2,4
VNT	5.472.000	4.328	21.500	4,97	117.648.000.000	11,71%	0,58
					1.004.920.587.000	P/E trung bình	8,66

Nguồn: Báo cáo 9 tháng/2009 đã được soát xét của các công ty liên quan và HOSE

(*): Giá đóng cửa tại ngày 29/12/2009.

Ghi chú: Công ty dùng để so sánh là những công ty có hoạt động kinh doanh tương đồng với Sotrans.

- EPS 9 tháng 2009 của Sotrans* = 3.127 đồng/cổ phần;
- Giá dự kiến của Sotrans = 3.127 x 8,66
- = 27.080 đồng/cổ phần

* Trong năm 2009, Sotrans đã tăng vốn từ 51 tỷ đồng lên 72 tỷ đồng vào cuối tháng 5/2009, do đó, số lượng cổ phiếu bình quân để tính EPS 9 tháng/2009 là 60.333.333 cổ phần. Vì thế, EPS 9 tháng/2009 của Sotrans sẽ là: 18.868.212.285 đồng/6.033.333 CP = 3.127 đồng/cổ phần.

b. Phương pháp giá trị sổ sách (tại thời điểm 30/09/2009):

- Vốn chủ sở hữu : 95.855.410.286 VNĐ
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 7.200.000 cổ phần
- Giá trị sổ sách của một cổ phần Sotrans theo báo cáo tài chính 9 tháng/2009 là: 13.313 đồng/cổ phần

c. Kết luận:

- Dựa vào 2 kết quả định giá trên, HĐQT Công ty quyết định giá tham chiếu của Sotrans là **20.000 VNĐ/cổ phần**.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ Công ty không có giới hạn tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua cổ phần của Công ty theo quy định tại Luật Đầu Tư và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quyết định số 55/2009/QĐ - TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK TPHCM thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành;
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Công ty hiện nay là 0%.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1 Đối với Công ty

Đối với Công ty:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP và luật thuế TNDN thì Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm 2007, 2008 và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 2 năm tiếp theo là năm 2009 và 2010.

Mức thuế suất thuế TNDN Công ty đang thực hiện là 25%

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các nhóm mặt hàng như sau:

+ Dịch vụ cho thuê kho bãi:	10%
+ Dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, THC:	10% (Đang được giảm 50% trong năm 2009)
+ Dịch vụ CFS:	10%
+ Vận tải quốc tế:	0%
+ Kinh doanh xăng dầu:	10%
+ Kinh doanh dầu nhớt:	10%
+ Các dịch vụ khác:	10%

7.2 Đối với nhà đầu tư

- **Đối với thu nhập từ cổ tức:** Điều 7 Khoản 1 Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 hướng dẫn sửa đổi Thông tư 84/2008/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc qui định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân: Cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng cổ phiếu, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ đầu tư vốn.
- Căn cứ để xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp là giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng và thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
- Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

- Nếu giá thực tế chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì cá nhân nộp thuế theo mức thuế suất 0.1% trên giá thực tế chuyển nhượng hoặc theo mức thuế suất 20% trên chênh lệch giữa giá thực tế chuyển nhượng với mệnh giá hoặc giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán.
- **Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:** Điều 16 Khoản 1 Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân: Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm cả chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Khoản 2 Điều 17 Nghị định 100: Thuế suất áp dụng là 20% trên tổng thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Đối với nhà đầu tư là cá nhân không cư trú tại Việt Nam thì thuế suất áp dụng là 0.1% trên từng lần chuyển nhượng.
- **Đối với thừa kế, quà tặng là chứng khoán:** Mục II Điều 7.1.4 Thông tư 84/2008/TT-BTC: thu nhập để tính thuế của chứng khoán là giá trị chứng khoán tại thời điểm chuyển quyền sở hữu.

Điều 7.2 Thông tư 84 thì Thuế suất áp dụng là 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến chứng khoán: Điểm 1.2 Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thi hành nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán của doanh nghiệp đã tham gia đầu tư chứng khoán cho một hoặc nhiều tổ chức cá nhân khác.

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua của chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Điểm 2.2 Thông tư 130: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 25%.

Đối với tổ chức Việt Nam số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\begin{array}{lcl} \text{Thuế TNDN} & & \\ \text{phải nộp} & = & \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN} \end{array}$$

Điều 1 Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi, bổ sung thông tư 100/2004/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán: các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài, không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, các tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán: 0.1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.

- Quy định về giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân: *Theo qui định tại Điều 1 Khoản 1. Điều 2 Khoản 1 Thông tư 27/2009/TT-BTC ngày 06/02/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân* thì cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán thuộc đối tượng được giãn nộp thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/05/2009.

Khoản 3.3 Điều 2 Thông tư 27 thì số thuế được giãn nộp, cá nhân có thu nhập được giữ lại trong thời gian được giãn.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức niêm yết

❖ Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Trụ sở: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3825 3009 Fax : (84.8) 3826 6593

Email: info@sotrans.com.vn

Website: www.sotrans.com.vn

2. Tổ chức tư vấn

❖ Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Hội sở

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ. P.Bến Nghé. Quận 1. Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3824 2897

Fax: (84 - 8) 3824 2997

E-mail: ssi@ssi.com.vn

Website: www.ssi.com.vn

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ

Địa chỉ: 92-98 Nguyễn Công Trứ. P.Nguyễn Thái Bình. Quận 1. Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3821 8567

Fax: (84 - 8) 3291 0590

Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền. Quận Hoàn Kiếm. Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84 - 4) 3936 6321

Fax: (84 - 4) 3936 6311

Chi nhánh Trần Bình Trọng

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng. Quận Hoàn Kiếm. Tp. Hà Nội.

Điện thoại: (84 - 4) 3942 6718

Fax: (84 - 4) 3942 6719

Chi nhánh Hải Phòng

Địa chỉ: 22 Lý Tự Trọng. Q.Hồng Bàng. Hải Phòng

Điện thoại: (84 - 31) 3569 123

Fax: (84 - 31) 3569 130

Chi nhánh Vũng Tàu

Địa chỉ: Số 04 Lê Lợi. TP Vũng Tàu

Điện thoại: (84 - 64) 3521 906

Fax: (84 - 31) 3521 907

Phòng giao dịch 3-2

Địa chỉ: Số 03 Đường 3 - 2. Quận 10. Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3818 1450

Fax: (84 - 8) 3818 1451

Phòng giao dịch Hồng Bàng

Địa chỉ: 769 Hồng Bàng. Quận 6. Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3969 5898

Fax: (84 - 8) 3969 5894

Phòng giao dịch PVFC (TP.HCM)

Địa chỉ: Số 208 Nguyễn Trãi. Quận 1. Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 3925 7778

Fax: (84 - 8) 3925 6861

Phòng giao dịch PVFC (Hà Nội)

Địa chỉ: Tầng trệt Toà nhà The Manor - Mỹ Đình - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 3794 0112

Fax: (84 - 4) 3794 0114

3. Tổ chức kiểm toán**Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC)**

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại : (84.4) 3824 1990

Fax : (84.4) 3825 3973

Email : aasc-ndd@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2010

Đại diện Tổ chức Niêm yết
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

HOÀNG QUYẾN
Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc

Trương Văn Thuận
Kế toán trưởng

Phan Đình Bội
Trưởng Ban Kiểm soát

Đại diện Tổ chức Tư vấn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

Nguyễn Hồng Nam
Giám đốc Điều hành

VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1.** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Phụ lục 2.** Bản sao Điều lệ công ty;
- Phụ lục 3.** Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu Công ty;
- Phụ lục 4.** Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009 của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam;
- Phụ lục 5.** Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT

